

**BẢN SAO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG  
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 0306340691-004

Đăng ký lần đầu, ngày 17 tháng 04 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 09 tháng 03 năm 2021

**1. Tên chi nhánh:**

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

**2. Địa chỉ:**

26C-26D-26E Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**3. Thông tin về người đứng đầu**

Họ và tên: LÊ THỊ THU THẢO

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 10/11/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 023636441

Ngày cấp: 02/01/2013

Nơi cấp: Công an Thành Phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 16/2C/12 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 16/2C/12 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Mã số doanh nghiệp: 0306340691

Địa chỉ trụ sở chính: 120 Bis Trần Hưng Đạo, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**CHỮNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực 0 0 2 9 0 0 Quyền số: -02- SCT/BS

Ngày 02-02-2023

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẾN NGHÉ**

**CÔNG CHỨNG VIÊN**



*Trần Hoàng Sơn*

Số : 08 /TB-UBND

Quận 4, ngày 09 tháng 01 năm 2015

THÔNG BÁO

BẢN SAO

Về việc chấp nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án: Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật

Kính gửi: Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án: Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật tại địa chỉ 26C-26D-26E Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Ủy ban nhân dân Quận 4 xin thông báo như sau :

1. Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án: Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật tại địa chỉ: 26C-26D-26E Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4 đã được đăng ký tại Ủy ban nhân dân Quận 4.

2. Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung nêu trong Bản cam kết bảo vệ môi trường.

3. Bản cam kết bảo vệ môi trường được đăng ký và Thông báo này là căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện của Dự án: Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật tại địa chỉ: 26C-26D-26E Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4.

4 Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật phải báo cáo với Ủy ban nhân dân Quận 4 khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân Quận 4; đồng thời Công ty phải thực hiện Báo cáo giám sát môi trường định kỳ 6 tháng /lần gửi về Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN KT.CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hoàng Quân

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- TT.UBND Quận 4 (Đ/c Đạt, Đ/c Quân);
- Như trên;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 4;
- Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 4;
- VPUB: CPVP, TH;
- Lưu: VT, PL (cb)

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số đăng ký: 005062
Quyển số: SCTR
Ngày: 21-02-2015
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẾN NGHÉ



**BẢN SAO**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2015

**SỞ ĐĂNG KÝ  
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**  
Mã số QLCTNH 79.004495.T  
(Cấp lần 2)

**I. Thông tin chung về chủ nguồn thải chất thải nguy hại:**

Tên: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: 240 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84.8) 3943 1500

Fax: (84.8) 3943 1502

Email: qc@tokyodeli.com.vn

Tài khoản số: 007 100 471 0493 tại ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh TP.HCM.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306340691 cấp lần đầu ngày 04/12/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 26/8/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**II. Nội dung đăng ký:**

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo danh sách chất thải nguy hại và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

**III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:**

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 04 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi xảy ra sự cố và thực hiện nghiêm chỉnh các hướng dẫn của cơ quan này.

**IV. Điều khoản thi hành:**

Sở đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sở đăng ký có mã số QLCTNH: 79.004495.T, cấp lần 02, ngày 26 tháng 11 năm 2013./.

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

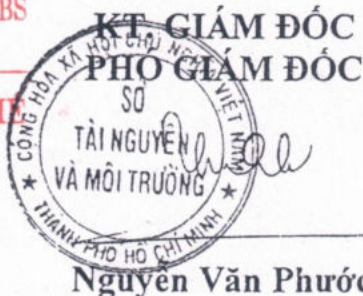
Số chứng thực: **05063** Quyển số: **02-SCT/BS**

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật;

- Lưu VT; P.QLCTNH (2b);

Dự thảo : Giang



Nguyễn Văn Phước

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 79.004495.T do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM, cấp lần 2, ngày 15 tháng 4 năm 2015)

### I. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại:

#### \* Cơ sở 1:

Tên: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ cơ sở: Lô CR 1 Khu A, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM

Điện thoại: (08) 54155566 Fax: (08) 54155567

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0306340691-007 đăng ký lần đầu vào ngày 05 tháng 04 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 02 tháng 07 năm 2013 do Sở kế hoạch đầu tư TP. HCM cấp.

Loại hình hoạt động: Kinh doanh Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, buôn bán thực phẩm và buôn bán đồ uống (buôn bán đồ uống có cồn và buôn bán đồ không có cồn).

#### \* Cơ sở 2:

Tên: **CHI NHÁNH QUẬN 7 - CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: SC 6-1 Park View Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM.

Điện thoại: (08) 5410 1166 Fax: (08) 5412 1544

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0306340691-006 đăng ký lần đầu vào ngày 02 tháng 01 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 08 năm 2013 do Sở kế hoạch đầu tư TP. HCM cấp.

Loại hình hoạt động: Loại hình hoạt động: Kinh doanh Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, buôn bán thực phẩm và buôn bán đồ uống (buôn bán đồ uống có cồn và buôn bán đồ không có cồn).

#### \* Cơ sở 3:

Tên: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: 26 C - 26 D - 26 E Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TP.HCM.

Điện thoại: (08) 3943 1502 Fax: (08) 3943 1500

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0306340691-004 đăng ký lần đầu vào ngày 17 tháng 04 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 04 tháng 12 năm 2014 do Sở kế hoạch đầu tư TP. HCM cấp.

Loại hình hoạt động: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn, bán buôn thực phẩm, sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; dịch vụ đóng gói, bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên kinh doanh.

#### \* Cơ sở 4:

Tên: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: 242-244 Phan Xích Long, Phường 7, Quận Phú Nhuận, TP.HCM.

Điện thoại: (08) 35172777 Fax: (08) 3943 1500

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0306340691-008 đăng ký lần đầu vào ngày 12 tháng 06 năm 2013 do Sở kế hoạch đầu tư TP. HCM cấp.

10  
IN  
NG  
S  
14-7

- Loại hình hoạt động: Kinh doanh Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, buôn bán thực phẩm và buôn bán đồ uống (buôn bán đồ uống có cồn và buôn bán đồ không có cồn).

**\* Cơ sở 5:**

Tên: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: 04 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại: (08) 35471155 Fax: (08) 3943 1500

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0306340691-009 đăng ký lần đầu vào ngày 23 tháng 09 năm 2013 do Sở kế hoạch đầu tư TP. HCM cấp.

Loại hình hoạt động: Kinh doanh Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, buôn bán thực phẩm và buôn bán đồ uống (buôn bán đồ uống có cồn và buôn bán đồ không có cồn).

**\* Cơ sở 6:**

Tên: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: 31-33 Nguyễn Thị Thập – khu đô thị mới Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP.HCM.

Điện thoại: (08) 3943 1502 Fax: (08) 3943 1500

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0306340691 – 001 đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 09 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 01 năm 2015 do Sở kế hoạch đầu tư TP. HCM cấp.

Loại hình hoạt động: Kinh doanh Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, buôn bán thực phẩm và buôn bán đồ uống (buôn bán đồ uống có cồn và buôn bán đồ không có cồn).

**\* Cơ sở 7:**

Tên: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: 120 Bis Trần Hưng Đạo, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3837 2277 Fax: (08) 3943 1500

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0306340691 – 011 đăng ký lần đầu vào ngày 27 tháng 05 năm 2014 do Sở kế hoạch đầu tư TP. HCM cấp.

Loại hình hoạt động: Kinh doanh Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, buôn bán thực phẩm và buôn bán đồ uống (buôn bán đồ uống có cồn và buôn bán đồ không có cồn)

**\* Cơ sở 8:**

Tên: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Số 34 Song Hành, Khu phố 5, Phường An Phú, Quận 2, TP.HCM

Điện thoại: (08) 6254 1177 Fax: (08) 3943 1500

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0306340691 – 012 đăng ký lần đầu vào ngày 20 tháng 10 năm 2014 do Sở kế hoạch đầu tư TP. HCM cấp.

Loại hình hoạt động: Kinh doanh Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, buôn bán thực phẩm và buôn bán đồ uống (buôn bán đồ uống có cồn và buôn bán đồ không có cồn).



**2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:****\* Cơ sở 1:**

| STT                  | Tên chất thải  | Trạng thái tồn tại<br>(rắn/lỏng/bùn) | Số lượng<br>trung bình<br>(kg/năm) | Mã<br>CTNH |
|----------------------|--|--------------------------------------|------------------------------------|------------|
| 1                    | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải  | Rắn                                  | 10                                 | 16 01 06   |
| 2                    | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | Rắn                                  | 10                                 | 18 02 01   |
| 3                    | Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại   | Rắn                                  | 05                                 | 08 02 04   |
| 4                    | Pin, ắc quy chì thải   | Rắn                                  | 6                                  | 19 06 01   |
| <b>Tổng số lượng</b> |  |                                      | <b>31</b>                          |            |

**\* Cơ sở 2:**

| STT                  | Tên chất thải  | Trạng thái tồn tại<br>(rắn/lỏng/bùn) | Số lượng<br>trung bình<br>(kg/năm) | Mã<br>CTNH |
|----------------------|--|--------------------------------------|------------------------------------|------------|
| 1                    | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải  | Rắn                                  | 10                                 | 16 01 06   |
| 2                    | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | Rắn                                  | 10                                 | 18 02 01   |
| 3                    | Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại   | Rắn                                  | 05                                 | 08 02 04   |
| 4                    | Pin, ắc quy chì thải   | Rắn                                  | 6                                  | 19 06 01   |
| <b>Tổng số lượng</b> |  |                                      | <b>31</b>                          |            |

**\* Cơ sở 3:**

| STT | Tên chất thải  | Trạng thái tồn tại<br>(rắn/lỏng/bùn) | Số lượng<br>trung bình<br>(kg/năm) | Mã<br>CTNH |
|-----|--|--------------------------------------|------------------------------------|------------|
| 1   | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải  | Rắn                                  | 15                                 | 16 01 06   |
| 2   | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | Rắn                                  | 15                                 | 18 02 01   |
| 3   | Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại   | Rắn                                  | 10                                 | 08 02 04   |

00  
 HỒ  
 CHI  
 NG  
 PH

|                      |   |     |            |          |
|----------------------|---|-----|------------|----------|
| 4                    | Pin, ắc quy chì thải  | Rắn | 6          | 19 06 01 |
| 5                    | Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác | Bùn | 500        | 12 06 06 |
| <b>Tổng số lượng</b> |   |     | <b>546</b> |          |

**\* Cơ sở 4:**

| STT                  | Tên chất thải  | Trạng thái tồn tại<br>(rắn/lỏng/bùn) | Số lượng<br>trung bình<br>(kg/năm) | Mã<br>CTNH |
|----------------------|--|--------------------------------------|------------------------------------|------------|
| 1                    | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải  | Rắn                                  | 10                                 | 16 01 06   |
| 2                    | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | Rắn                                  | 10                                 | 18 02 01   |
| 3                    | Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại   | Rắn                                  | 05                                 | 08 02 04   |
| 4                    | Pin, ắc quy chì thải   | Rắn                                  | 6                                  | 19 06 01   |
| <b>Tổng số lượng</b> |  |                                      | <b>31</b>                          |            |

**\* Cơ sở 5:**

| STT                  | Tên chất thải  | Trạng thái tồn tại<br>(rắn/lỏng/bùn) | Số lượng<br>trung bình<br>(kg/năm) | Mã<br>CTNH |
|----------------------|--|--------------------------------------|------------------------------------|------------|
| 1                    | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải  | Rắn                                  | 10                                 | 16 01 06   |
| 2                    | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | Rắn                                  | 10                                 | 18 02 01   |
| 3                    | Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại   | Rắn                                  | 05                                 | 08 02 04   |
| 4                    | Pin, ắc quy chì thải   | Rắn                                  | 6                                  | 19 06 01   |
| <b>Tổng số lượng</b> |  |                                      | <b>31</b>                          |            |

**\* Cơ sở 6:**

| STT | Tên chất thải   | Trạng thái tồn tại<br>(rắn/lỏng/bùn) | Số lượng<br>trung bình<br>(kg/năm) | Mã<br>CTNH |
|-----|---|--------------------------------------|------------------------------------|------------|
| 1   | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải   | Rắn                                  | 10                                 | 16 01 06   |
| 2   | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần | Rắn                                  | 10                                 | 18 02 01   |

|                      |   |     |            |          |
|----------------------|---|-----|------------|----------|
|                      | nguy hại  |     |            |          |
| 3                    | Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại  | Rắn | 05         | 08 02 04 |
| 4                    | Pin, ắc quy chì thải  | Rắn | 6          | 19 06 01 |
| 5                    | Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác | Bùn | 500        | 12 06 06 |
| <b>Tổng số lượng</b> |   |     | <b>531</b> |          |

\* Cơ sở 7:

| STT                  | Tên chất thải  | Trạng thái tồn tại<br>(rắn/lỏng/bùn) | Số lượng<br>trung bình<br>(kg/năm) | Mã<br>CTNH |
|----------------------|--|--------------------------------------|------------------------------------|------------|
| 1                    | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải  | Rắn                                  | 10                                 | 16 01 06   |
| 2                    | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | Rắn                                  | 10                                 | 18 02 01   |
| 3                    | Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại   | Rắn                                  | 05                                 | 08 02 04   |
| 4                    | Pin, ắc quy chì thải   | Rắn                                  | 6                                  | 19 06 01   |
| <b>Tổng số lượng</b> |  |                                      | <b>31</b>                          |            |

\* Cơ sở 8:

| STT                  | Tên chất thải  | Trạng thái tồn tại<br>(rắn/lỏng/bùn) | Số lượng<br>trung bình<br>(kg/năm) | Mã<br>CTNH |
|----------------------|--|--------------------------------------|------------------------------------|------------|
| 1                    | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải  | Rắn                                  | 10                                 | 16 01 06   |
| 2                    | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | Rắn                                  | 10                                 | 18 02 01   |
| 3                    | Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại   | Rắn                                  | 05                                 | 08 02 04   |
| 4                    | Pin, ắc quy chì thải   | Rắn                                  | 6                                  | 19 06 01   |
| <b>Tổng số lượng</b> |  |                                      | <b>31</b>                          |            |

## 2. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

\*Cơ sở 1:

| STT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại<br>(rắn/lỏng/bùn) | Số lượng trung bình<br>(kg/năm) |
|-----|---------------|--------------------------------------|---------------------------------|
|-----|---------------|--------------------------------------|---------------------------------|



|                      |  |     |               |
|----------------------|--|-----|---------------|
| 1.                   | Thùng carton, giấy vụn văn phòng không nhiễm thành phần nguy hại             | Rắn | 400           |
| 2.                   | Rác sinh hoạt (thức ăn thừa, rác thực phẩm khi sơ chế thức ăn, hộp giấy,...) | Rắn | 38.520        |
| <b>Tổng số lượng</b> |  |     | <b>38.920</b> |

\*Cơ sở 2:

| STT                  | Tên chất thải  | Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn) | Số lượng trung bình (kg/năm) |
|----------------------|--|-----------------------------------|------------------------------|
| 1.                   | Thùng carton, giấy vụn văn phòng không nhiễm thành phần nguy hại             | Rắn                               | 360                          |
| 2.                   | Rác sinh hoạt (thức ăn thừa, rác thực phẩm khi sơ chế thức ăn, hộp giấy,...) | Rắn                               | 29.520                       |
| <b>Tổng số lượng</b> |  |                                   | <b>29.880</b>                |

\*Cơ sở 3:

| STT                  | Tên chất thải  | Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn) | Số lượng trung bình (kg/năm) |
|----------------------|--|-----------------------------------|------------------------------|
| 1.                   | Thùng carton, giấy vụn văn phòng không nhiễm thành phần nguy hại             | Rắn                               | 400                          |
| 2.                   | Rác sinh hoạt (thức ăn thừa, rác thực phẩm khi sơ chế thức ăn, hộp giấy,...) | Rắn                               | 36.000                       |
| <b>Tổng số lượng</b> |  |                                   | <b>36.400</b>                |

\*Cơ sở 4:

| STT                  | Tên chất thải  | Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn) | Số lượng trung bình (kg/năm) |
|----------------------|--|-----------------------------------|------------------------------|
| 1.                   | Thùng carton, giấy vụn văn phòng không nhiễm thành phần nguy hại             | Rắn                               | 400                          |
| 2.                   | Rác sinh hoạt (thức ăn thừa, rác thực phẩm khi sơ chế thức ăn, hộp giấy,...) | Rắn                               | 32.400                       |
| <b>Tổng số lượng</b> |  |                                   | <b>32.800</b>                |

\*Cơ sở 5:

| STT | Tên chất thải  | Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn) | Số lượng trung bình (kg/năm) |
|-----|--|-----------------------------------|------------------------------|
| 1.  | Thùng carton, giấy vụn văn phòng không nhiễm thành phần nguy hại             | Rắn                               | 400                          |
| 2.  | Rác sinh hoạt (thức ăn thừa, rác thực phẩm khi sơ chế thức ăn, hộp giấy,...) | Rắn                               | 32.400                       |

|                      |               |
|----------------------|---------------|
| <b>Tổng số lượng</b> | <b>32.800</b> |
|----------------------|---------------|

**\*Cơ sở 6:**

| STT                  | Tên chất thải  | Trạng thái tồn tại<br>(rắn/lỏng/bùn) | Số lượng trung bình<br>(kg/năm) |
|----------------------|--|--------------------------------------|---------------------------------|
| 1.                   | Thùng carton, giấy vụn văn phòng không nhiễm thành phần nguy hại             | Rắn                                  | 400                             |
| 2.                   | Rác sinh hoạt (thức ăn thừa, rác thực phẩm khi sơ chế thức ăn, hộp giấy,...) | Rắn                                  | 32.400                          |
| <b>Tổng số lượng</b> |  |                                      | <b>32.800</b>                   |

**\*Cơ sở 7:**

| STT                  | Tên chất thải  | Trạng thái tồn tại<br>(rắn/lỏng/bùn) | Số lượng trung bình<br>(kg/năm) |
|----------------------|--|--------------------------------------|---------------------------------|
| 1.                   | Thùng carton, giấy vụn văn phòng không nhiễm thành phần nguy hại             | Rắn                                  | 400                             |
| 2.                   | Rác sinh hoạt (thức ăn thừa, rác thực phẩm khi sơ chế thức ăn, hộp giấy,...) | Rắn                                  | 32.400                          |
| <b>Tổng số lượng</b> |  |                                      | <b>32.800</b>                   |

**\*Cơ sở 8:**

| STT                  | Tên chất thải  | Trạng thái tồn tại<br>(rắn/lỏng/bùn) | Số lượng trung bình<br>(kg/năm) |
|----------------------|--|--------------------------------------|---------------------------------|
| 1.                   | Thùng carton, giấy vụn văn phòng không nhiễm thành phần nguy hại             | Rắn                                  | 400                             |
| 2.                   | Rác sinh hoạt (thức ăn thừa, rác thực phẩm khi sơ chế thức ăn, hộp giấy,...) | Rắn                                  | 32.400                          |
| <b>Tổng số lượng</b> |  |                                      | <b>32.800</b>                   |

**4. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký tự xử lý chất thải nguy hại tại 08 cơ sở: (không có)**

**5. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:**

Bộ hồ sơ đăng ký (với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có Mã số QLCTNH: 79.004495.T do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2, ngày 15 tháng 4 năm 2015...") được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này. /.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất**

**Ông : GIANG HỌC TÂN** Năm sinh : 1970 Số CMND: 022 441 108

Địa chỉ thường trú: 5 Nguyễn Bặc, phường 03, quận Tân Bình, tp.HCM.

**Bà : NGUYỄN THỊ THUẬN** Năm sinh : 1967 Số CMND: 022 828 749

Địa chỉ thường trú: 5 Nguyễn Bặc, phường 03, quận Tân Bình, tp.HCM.

**BI 532922**

## II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

### 1. Thừa đất

- a) Thừa đất số: 41 , tờ bản đồ số: 24  
b) Địa chỉ: 26C+26D, đường Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4  
c) Diện tích: 147,7 m<sup>2</sup>, (bằng chữ:) Một trăm bốn mươi bảy phẩy bảy mét vuông  
d) Hình thức sử dụng: riêng 147,7 m<sup>2</sup>, chung Không m<sup>2</sup>  
đ) Mục đích sử dụng: Đất ở đô thị  
e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài  
g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất

### 2. Nhà ở

- a) Địa chỉ: 26C+26D, đường Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4  
b) Diện tích xây dựng: 122,8 m<sup>2</sup>, c) Diện tích sàn: 334,8 m<sup>2</sup>  
d) Kết cấu: vách gạch, sàn BTCT, BC BTCT, mái BTCT + tôn  
đ) Cấp (Hạng): IV , e) Số tầng: 03  
g) Năm hoàn thành xây dựng: -/- , h) Thời hạn sở hữu: -/-

### 3. Công trình xây dựng khác: -/-

### 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

### 5. Cây lâu năm: -/-

### 6. Ghi chú: -/-

Quận 4, Ngày 08 tháng 6 năm 2011

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hoàng Quân

Số vào sổ cấp GCN: CH00999

### III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



**BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH**  
HỆ TỌA ĐỘ VN 2000

| số hiệu điểm | tọa độ     |           | chiều dài cạnh (m) |
|--------------|------------|-----------|--------------------|
|              | X (m)      | Y (m)     |                    |
| 1            | 1190650.28 | 603995.70 | 18.47              |
| 2            | 1190665.26 | 604006.51 | 7.79               |
| 3            | 1190660.82 | 604012.91 | 3.19               |
| 4            | 1190658.17 | 604011.13 | 7.24               |
| 5            | 1190652.20 | 604007.04 | 7.71               |
| 6            | 1190645.85 | 604002.62 | 7.04               |
| 7            | 1190645.85 | 604002.62 | 7.04               |
| 8            | 1190645.85 | 604002.62 | 7.04               |
| 9            | 1190648.10 | 604009.93 | 7.04               |

**Chứng thực bản sao đúng với bản chính**

Số chứng thực 0.0.0.887: 01/2023 - SCT/BS

Ngày: 20-02-2023

GHI CHÚ:

- \* Là kết đường Lê Quốc Hùng 20.0 m theo quyết định số 4963/QĐ-UB-QLĐT ngày 30/08/1999 của UBND TP Quận Tân Bình
- \* Khi nhà nước thực hiện quy hoạch, chủ sở hữu nhà ở, đất ở phải chấp hành theo quy định

Ranh đất  
Ranh nhà  
Ranh hẻm (ranh lề đường, ranh hiện trạng)  
Ranh ban công

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

*Nguyễn Thanh Lâm*

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



27256.12.304898



**GIẤY CHỨNG NHẬN  
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

7 9 7 7 3 2 7 2 5 6 0 0 2 6 0

CHỨNG NHẬN

| Mục I. Chủ sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở   |   |
|--|---|
| Bà : NGUYỄN THỊ SỨ      Sinh năm : 1950      CMND số : 020 204 484   |   |
| Mục II. Thực trạng nhà ở, đất ở  |   |
| 1/ Nhà ở<br>Địa chỉ: 26E Lê Quốc Hưng<br>phường 12 ,quận 4, TpHCM<br>Diện tích sàn (nhà ở, căn hộ): 163.90      m <sup>2</sup><br>Kết cấu nhà: Vách gạch, sàn BTCT, mái tôn.<br><br>Cấp (hạng) nhà ở: IV<br>Số tầng (tầng): 3<br>Năm xây dựng: 1991<br>Diện tích sàn nhà phụ (nếu có):      m <sup>2</sup><br>Thời hạn được sở hữu:      Lâu dài | 2/ Đất ở<br>Thửa đất số: 44      Tờ bản đồ số: 24<br>Diện tích:      67.60      m <sup>2</sup><br>Sử dụng riêng:      67.60      m <sup>2</sup><br>Sử dụng chung:      m <sup>2</sup><br>Đất được giao hoặc thuê: Được công nhận<br>Hợp đồng thuê đất (số, ngày, tháng, năm):<br><br>Thời gian thuê từ ngày      tháng      năm<br>đến ngày      tháng      năm |
| Mục III, Mục IV ở trang sau là thành phần của giấy chứng nhận này  |   |

Tp Hồ Chí Minh , ngày 17 tháng 01 năm 2008

TM. Ủy ban nhân dân Quận 4

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

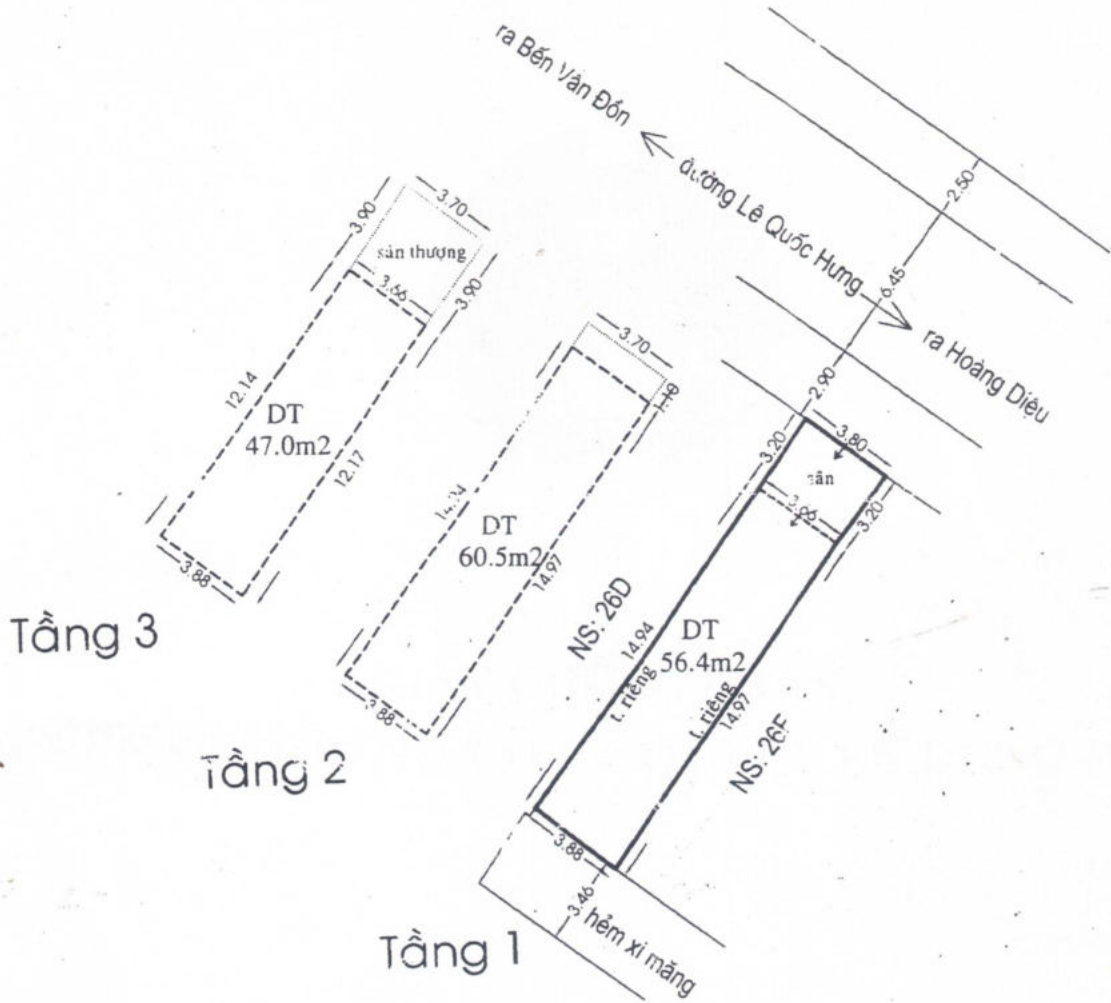


Trần Trọng Tuấn

Hồ sơ gốc số 0128/2007/UBND.GCN



Mục III. Sơ đồ nhà ở, đất ở



**GHI CHÚ:**

\* Lộ giới: 20.0m theo quyết định 4963/QĐ-UB-QLĐT ngày 30/8/1999 của UBND TP

\* Khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, chủ sở hữu nhà ở, đất ở phải chấp hành theo quy định

— Ranh đất  
- - - Ranh nhà

— Ranh đường  
- - - Ranh ban công

**Chứng thực bản sao  
đúng với bản chính**

Số chứng thực: 014 74 Quyển số: 01 2023

Ngày: 21 - 02 - 2023 năm

**CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 13 QUẬN 4**



*Le Quốc Cường*

#### Mục IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy

| Ngày, tháng, năm | Nội dung thay đổi | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (Ký, đóng dấu) |
|------------------|-------------------|---|
| (1)              | (2)               | (3)   |
|                  |                   |   |

#### NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

1. Chủ sở hữu có quyền và nghĩa vụ đối với nhà ở, đất ở theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho, nhận đổi nhà ở và chuyển quyền sử dụng đất ở phải làm thủ tục theo quy định của pháp luật để được cấp giấy chứng nhận mới.
3. Chủ sở hữu không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa, viết thêm bất kỳ nội dung nào trong giấy chứng nhận.
4. Chủ sở hữu có trách nhiệm:
  - Giữ gìn, bảo quản giấy chứng nhận; trường hợp mất giấy chứng nhận phải báo ngay với công an phường, xã, thị trấn nơi gần nhất và cơ quan cấp giấy.
  - Khi giấy chứng nhận bị hư hỏng, rách nát hoặc mục IV hết chỗ ghi thì chủ sở hữu phải đến cơ quan cấp giấy chứng nhận làm thủ tục để được cấp đổi giấy mới.

## HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ

Hôm nay, ngày 09 tháng 03 năm 2012; tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Hồ Chí Minh, 97 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, chúng tôi gồm có:

### **BÊN A: BÊN CHO THUÊ NHÀ:**

\*Ông : **GIANG HỌC TÂN** Năm sinh:1970  
CMND số : 022441108  
Thường trú : 38 Huỳnh Mẫn Đạt, P.19, Quận Bình Thạnh  
\*Bà : **NGUYỄN THỊ THUẬN** Năm sinh:1967  
CMND số : 022828749  
Thường trú : 493/93B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 13, Quận 10, TP.HCM  
(kèm Giấy chứng nhận kết hôn)

Là đồng sở hữu hai căn nhà số 26C và 26D Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TP.HCM căn cứ theo:

- Hợp Đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở số 08651/HĐ-MBN do Phòng Công chứng Nhà nước số 1 Tp.Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 14 tháng 03 năm 2002; đăng ký ngày 21/3/2002; trước bạ ngày 15/3/2002.
- Hợp Đồng chuyển nhượng Quyền sở hữu Nhà Ở số 08653/HĐ-MBN do Phòng Công chứng Nhà nước số 1 Tp.Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 14 tháng 03 năm 2002; đăng ký ngày 21/3/2002; trước bạ ngày 15/3/2002.  
(Có chứng từ gốc)

### **BÊN B: BÊN THUÊ NHÀ:**

#### **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0306340691.  
Địa chỉ trụ sở chính : 240 Lê Thánh Tôn, P.Bến Thành, Q.1, TP.HCM  
Do Ông : **NGÔ THANH HẬU** Năm sinh: 1964  
CMND số : 024817151  
Làm đại diện .

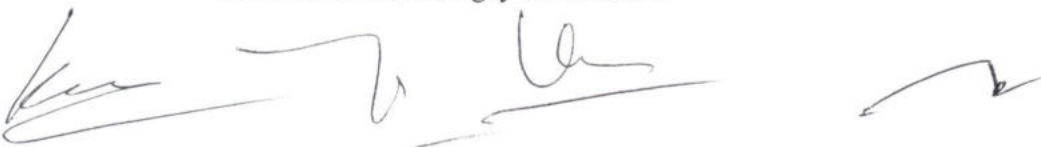
Chúng tôi thống nhất ký kết Hợp Đồng thuê nhà với các điều khoản sau:

#### **ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:**

- 1.1 Bên A đồng ý cho Bên B thuê toàn bộ hai căn nhà số 26 C và 26D Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TP.HCM
- 1.2 Mục đích thuê: làm văn phòng giao dịch, bếp trung tâm và cửa hàng bán lẻ.  
( Khi bàn giao nhà hai bên có lập văn bản riêng, ngoài sự chứng kiến của công chứng viên).
- 1.3 Trong quá trình sử dụng ,Bên A đồng ý cho Bên B được sửa chữa, trang trí lại nhà thuê để phục vụ cho nhu cầu của Bên B. Trong trường hợp việc sửa chữa có làm thay đổi kết cấu căn nhà thì Bên B phải được sự đồng ý chấp thuận của Bên A bằng văn bản. Bên B chịu mọi chi phí và phải thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý theo qui định của pháp luật về việc sửa chữa và chịu trách nhiệm trong suốt thời gian thi công.

#### **ĐIỀU 2: THỜI GIAN THUÊ NHÀ:**

Thời gian Bên A cho Bên B thuê hai căn nhà là 12 ( mười hai) năm, kể từ ngày 12/03/2012 đến hết ngày 12/03/2024.



Sau thời hạn trên, nếu Bên B có nhu cầu thuê tiếp thì Bên A sẽ ưu tiên cho Bên B được tiếp tục thuê, sau khi hai bên đạt được thỏa thuận mới về giá cả, thời hạn thuê mới và thỏa thuận mới này phải được lập thành văn bản.

### **ĐIỀU 3: GIÁ CẢ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN, ĐẶT CỌC:**

**3.1** Giá thuê toàn bộ hai căn nhà nói trên là:

- Giá thuê trên được giữ cố định trong 05 năm đầu (từ 12/03/2012 đến 12/03/2017) là 47.978.000đ/ tháng ( Bốn mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn đồng trên tháng) .

- Từ năm thứ 6 đến năm thứ 12 (từ 13/03/2017 đến 12/03/2024) giá thuê là 58.408.000đ/tháng (Năm mươi tám triệu bốn trăm lẻ tám ngàn đồng trên tháng).

Các khoản thuế phát sinh liên quan đến việc cho thuê nhà do Bên A chịu và thanh toán trực tiếp với cơ quan thuế địa phương.

**3.2** Bên B được miễn 01 tháng tiền thuê nhà để sửa chữa, cải tạo nhà. Tiền thuê nhà được tính từ ngày 12/04/2012.

**3.3** Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán tiền thuê nhà cho Bên A **03 tháng/lần**. Thời gian thanh toán: Từ ngày 12 đến 17 của mỗi đầu kỳ thanh toán .

Sau khi Bên B thanh toán, Bên A xuất hóa đơn thuế theo hợp đồng thuê đã đăng ký thuế cho Bên B.

#### **Thông tin chuyển khoản:**

- **Chủ tài khoản: Giang Học Tân**

- **Tài Khoản : 6360211630031P2**

- **Ngân Hàng** :. Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn – Cn Tân Bình

**3.4** Giá thuê này không bao gồm các chi phí sử dụng điện, nước , điện thoại... hàng tháng. Bên B sẽ thanh toán theo hóa đơn của các Công ty cung cấp dịch vụ trên khối lượng tiêu thụ thực tế của Bên B.

**3.5** Bên B đặt cọc 03 tháng tiền thuê nhà cho Bên A là: **143.934.000 đồng** ( Một trăm bốn mươi ba triệu chín trăm ba mươi bốn ngàn đồng) sau khi ký hợp đồng (“Tiền đặt cọc”).

### **ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN:**

#### **Trách nhiệm bên A:**

**4.1** Chịu trách nhiệm trước pháp luật toàn bộ về quyền sở hữu đối với căn nhà số 26C và căn nhà 26D Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TP.HCM mà Bên A cho Bên B thuê.

**4.2** Có trách nhiệm cung cấp toàn bộ giấy tờ liên quan đến quyền sở hữu căn nhà (bản sao có chứng thực tại địa phương), các giấy tờ về hồ sơ xây dựng kết cấu nhà cho Bên B để phục vụ cho việc đăng ký hoạt động của Bên B tại căn nhà thuê của bên A.

Hỗ trợ Bên B tiến hành các thủ tục xin giấy phép sửa chữa,cải tạo khi có yêu cầu.

**4.3** Giao nhà cho Bên B vào ngày hợp đồng thuê nhà được Phòng Công chứng chứng nhận.

**4.4** Bảo đảm quyền sử dụng hai căn nhà trọn vẹn của bên B trong thời gian thuê.

**4.5** Trong mọi trường hợp không được quyền chấm dứt hợp đồng thuê trước khi hết thời hạn thuê: Trường hợp muốn chấm dứt hợp đồng trước hạn thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên B biết trước ít nhất 02 tháng, hoàn trả lại tiền đặt cọc và bồi thường cho Bên B một khoản tiền bằng với số tiền đặt cọc cộng thêm các chi phí sửa chữa hai căn nhà theo hóa đơn do bên B cung cấp.

#### **Quyền hạn Bên A:**

**4.6** Nhận đủ tiền theo đúng thỏa thuận theo Điều 3



- 4.7 Được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn sau khi báo trước cho Bên B 30 ngày, khi đó Bên A không hoàn trả tiền cọc cho Bên B và được Bên B bồi thường mọi thiệt hại nếu Bên B có một trong các hành vi sau:
- Không trả tiền thuê nhà sau 30 ngày khi đến hạn thanh toán mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.
  - Sử dụng nhà thuê không đúng mục đích thuê hoặc cho các công ty khác thuê lại mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.
- 4.8 Được nhận lại nhà khi hợp đồng hết hạn hoặc chấm dứt, thanh lý. Bên A không chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên B bất cứ khoản tiền nào về việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo căn nhà khi Hợp đồng thuê hết thời hạn như nêu tại Điều 2, Điều 4.7, Điều 5.2.b.
- 4.9 Trong suốt thời gian thuê nhà, quyền sở hữu nhà vẫn thuộc về Bên A.

**Trách nhiệm bên B:**

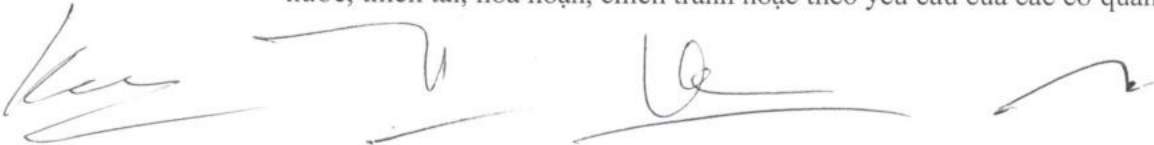
- 4.10 Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tư cách pháp nhân và các hoạt động hợp pháp của mình tại căn nhà thuê của Bên A.
- 4.11 Hàng tháng, các chi phí sử dụng điện, nước, điện thoại... Bên B sẽ thanh toán theo hóa đơn của các Công ty cung cấp dịch vụ trên khối lượng tiêu thụ thực tế của Bên B.
- 4.12 Sử dụng căn nhà thuê đúng mục đích kinh doanh nhà hàng và văn phòng giao dịch, không được chuyển nhượng hợp đồng thuê hoặc cho công ty khác thuê lại (trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A).
- 4.13 Trong quá trình sử dụng căn nhà thuê, khi cần cải tạo sửa chữa theo yêu cầu riêng thì Bên B phải tuân theo các quy định pháp luật và chi phí này do Bên B chịu.
- 4.14 Trả tiền thuê nhà cho Bên A đúng thời hạn như quy định tại Điều 3 của hợp đồng.
- 4.15 Giao trả nhà cho Bên A khi hợp đồng hết hạn hoặc chấm dứt. Bên B không được yêu cầu Bên A bồi thường bất cứ khoản tiền nào về việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo căn nhà khi hết thời hạn thuê theo Điều 2, Điều 5.2.b.

**Quyền hạn Bên B:**

- 4.16 Nhận nhà thuê theo đúng thỏa thuận.
- 4.17 Được ưu tiên ký Hợp Đồng thuê tiếp sau khi 2 bên đạt được thỏa thuận mới về giá thuê mới và thời hạn thuê mới khi hết hạn hợp đồng.
- 4.18 Được bảo đảm tiếp tục theo các điều kiện của hợp đồng này cho đến hết hạn hợp đồng trong trường hợp có sự thay đổi chủ sở hữu nhà cho thuê.
- 4.19 Trường hợp bên B muốn chấm dứt Hợp Đồng thì tiến hành thỏa thuận với bên A và báo trước cho Bên A 02 tháng, bên B chịu trách nhiệm thanh toán tiền nhà, tiền điện, tiền nước tính đến ngày bàn giao lại nhà. Bên B sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc, trả lại hiện trạng nhà thuê như đã bàn giao; ngoài ra, không phải đền bù cho Bên A bất cứ một khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng nào. Hai bên phải tiến hành lập văn bản thanh lý, chấm dứt tại cơ quan công chứng.
- 4.20 Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng sau khi báo trước cho Bên A 01 tháng; khi đó, bên A phải hoàn trả lại số tiền đặt cọc và bồi thường thêm một khoản tiền bằng với số tiền đặt cọc cộng với các chi phí sửa chữa theo hóa đơn, chứng từ (do bên B cung cấp) cho bên B, nếu Bên A có một trong các hành vi sau:
- Giao nhà không đúng như thỏa thuận (trừ khi có sự đồng ý của Bên B)
  - Quyền sử dụng nhà bị hạn chế do lợi ích của người thứ 3.

**ĐIỀU 5: CAM KẾT CHUNG:**

- 5.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng hợp đồng đã ký, không tự ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng (nhà giải tòa theo quy hoạch của Nhà nước, thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc theo yêu cầu của các cơ quan chính quyền)



Mọi chứng cứ bất khả kháng phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và gửi đến đối tác của mình trong hợp đồng này trong thời gian nhanh nhất.

5.2 Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau :

5.2a - Hết hạn hợp đồng mà 2 bên không có ý định ký tiếp hoặc gia hạn hợp đồng.

5.2b - Có một bên vi phạm một trong các điều khoản của hợp đồng ( xử lý theo Điều 4.5 ; Điều 4.7 ; Điều 4.19 ; Điều 4.20 )

5.2c - Nếu một trong hai bên hoặc cả hai bên rơi vào trường hợp bất khả kháng thì hợp đồng thuê nhà cũng được chấm dứt.

5.3 Sau khi kết thúc thời hạn thuê như quy định tại Điều 2, Điều 5.2.a , Điều 5.2.c . Bên B phải giao trả lại căn nhà Bên A mà không yêu cầu bồi hoàn chi phí sửa chữa, cải tạo. Bên A sẽ hoàn trả tiền đặt cọc cho Bên B sau khi Bên B thanh toán đầy đủ tiền nhà , tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại ... đã sử dụng tính đến ngày bàn giao lại nhà cho thuê.

5.4 Trong trường hợp nếu Bên A yêu cầu thì Bên B phải trả nguyên lại hiện trạng từng phần hoặc toàn bộ theo bản vẽ cấu trúc nhà trước khi thuê.

5.5 Khi hợp đồng chấm dứt ,Bên B có quyền mang ra khỏi địa chỉ thuê các đồ đạc, trang thiết bị tài sản (máy lạnh, quạt ...) do Bên B đem đến trang bị phục vụ công tác của mình trong thời gian thuê. Bên B không được quyền đập phá thu hồi các trang bị đã được gắn chặt , xây tô...với căn nhà thuê.

5.6 Trong trường hợp có điều khoản nào của hợp đồng mà bị vô hiệu bởi các quy định của pháp luật thì hợp đồng không bị vô hiệu hoàn toàn mà vẫn tiếp tục thực hiện theo các điều khoản còn lại.

#### **ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG:**


6.1 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, trở ngại hai bên sẽ bàn bạc giải quyết. Mọi sự thay đổi các điều khoản ghi trong hợp đồng sẽ được thể hiện trên phụ lục hợp đồng kèm theo.

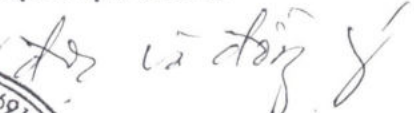

6.2 Bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại về vật chất cho bên kia thì phải chịu bồi thường theo sự thỏa thuận giữa hai bên, nếu 02 bên không đi đến thống nhất thì vụ việc sẽ được đưa ra Tòa Án có thẩm quyền tại TP.HCM giải quyết và phán quyết của Tòa là quyết định chung thẩm mà 02 bên có nghĩa vụ phải thi hành.

6.3 Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 bản, Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 02 bản, lưu 01 bản tại Phòng Công chứng số 1 Tp.Hồ Chí Minh.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

  
Nguyễn Thị Thuận  
Tôi đã đọc và đồng ý  
Chung tôi đã đọc và đồng ý

  
Ngô Thanh Hải  


## LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngày 09/3/2012 (ngày chín tháng ba năm hai nghìn không trăm mười hai), tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Hồ Chí Minh. 97 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1.

Tôi *Trần Anh Tuấn*, công chứng viên Phòng Công chứng số 1 thành phố Hồ Chí Minh.

### Chứng nhận:

- Hợp đồng thuê toàn bộ hai căn nhà số 26C và 26D Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TP.HCM được giao kết giữa:

#### BÊN A:

- Ông : **GIANG HỌC TÂN**  
CMND số : 022441108
- Bà : **NGUYỄN THỊ THUẬN**  
CMND số : 022828749

#### BÊN B:

#### CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Do Ông : **NGÔ THANH HẬU**

CMND số : 024817151

Làm đại diện .



- Các bên đã tự nguyện thoả thuận giao kết hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng;

- Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thoả thuận của các bên trong hợp đồng phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội;

- Hai bên đã đọc lại văn bản này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong văn bản và đã ký vào văn bản này trước sự có mặt của tôi.

Hợp đồng này gồm 4 bản chính (mỗi bản chính gồm 5 trang), cấp cho:

- + Bên A: 01 bản chính.
- + Bên B: 02 bản chính.

Lưu một bản chính tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Hồ Chí Minh.

Số công chứng 0 0 5 2 1 8

Quyển số 03 TP/CC - SCC/HĐGD.

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực 0 0 5 0 6 7 Quyển số 02 SCT/BS

Ngày 21-02-2023

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẾN NGHÉ**

**CÔNG CHỨNG VIÊN**

**VĂN PHÒNG**

**CÔNG CHỨNG**

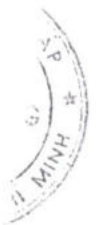
**BẾN NGHÉ**

**QUẬN 4 - TP. HỒ CHÍ MINH**

**CÔNG CHỨNG VIÊN**



*Trần Anh Tuấn*



## HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ

Hôm nay ngày 16 tháng 05 năm 2014 tại Phòng công chứng số 1 Thành Phố Hồ Chí Minh, chúng tôi ký tên dưới đây, những người tự nhận thấy có đủ năng lực hành vi dân sự và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi của mình, gồm:

### **BÊN A: BÊN CHO THUÊ NHÀ:**

- Họ tên: Bà Nguyễn Thị Sứ
- Năm sinh: 1950
- CMND số: 020204484                      cấp ngày: 14/09/2005                      tại: CA Tp.HCM

Là Chủ sở hữu căn nhà số 26E Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TPHCM. Căn cứ theo: Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do UBND Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2008, hồ sơ gốc số: 0128/2008/UBND.GCN.

### **BÊN B: BÊN THUÊ NHÀ:**

#### **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT**

- Địa chỉ : 240 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, TPHCM.
- Điện thoại : 08-5.404.3593
- MST : 0306340691
- Do Bà : Nguyễn Ngọc Trinh
- Chức Vụ : Phó Giám Đốc
- Sinh năm : 25/02/1976
- CMND số : 023158583    Cấp ngày 05/10/2007    tại CA TP.HCM

Làm đại diện theo giấy ủy quyền do Tổng giám đốc ký ngày 12 tháng 05 năm 2014

*Sứ*

*Nguyễn Ngọc Trinh*



Chúng tôi thống nhất ký kết Hợp Đồng thuê nhà với các điều khoản sau:

### **ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:**

- 1.1 Bên A đồng ý cho Bên B thuê toàn bộ căn nhà số 26E Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TPHCM làm văn phòng giao dịch, bếp trung tâm.
- 1.2 Căn nhà cho thuê nói trên có hệ thống điện lưới, hệ thống cấp thoát nước, vệ sinh đang hoạt động tốt.
- 1.3 Trong quá trình sử dụng, Bên A đồng ý cho Bên B được sửa chữa, trang trí lại nhà thuê để phục vụ cho nhu cầu của Bên B. Trong trường hợp việc sửa chữa có làm thay đổi kết cấu căn nhà thì Bên B phải được sự đồng ý chấp thuận của Bên A bằng văn bản. Bên B chịu mọi chi phí và phải thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý theo qui định của pháp luật về việc sửa chữa và chịu trách nhiệm trong suốt thời gian thi công.
- 1.4 Sau khi hết hạn hợp đồng hay chấm dứt hợp đồng thuê trước thời hạn, nếu có yêu cầu của Bên A thì trong thời hạn 2 tháng Bên B phải thực hiện sửa chữa lại căn nhà theo hiện trạng ban đầu khi Bên A bàn giao cho Bên B (có xác nhận của Bên A khi sửa chữa xong).

### **ĐIỀU 2: THỜI GIAN THUÊ NHÀ:**

Thời gian Bên A cho Bên B thuê nhà là 10 (mười) năm, kể từ ngày 01/06/2014 đến hết ngày 30/06/2024. Sau thời hạn trên, nếu Bên B có nhu cầu thuê tiếp thì Bên A sẽ ưu tiên cho Bên B được tiếp tục thuê, sau khi hai bên đạt được thỏa thuận mới về giá cả, thời hạn thuê mới và thỏa thuận mới này phải được lập thành văn bản.

### **ĐIỀU 3: GIÁ THUÊ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN, ĐẶT CỌC:**

- 3.1 Giá thuê toàn bộ căn nhà nói trên là: 17.000.000VNĐ/ tháng (Mười bảy triệu đồng chẵn / Tháng).

Các khoản thuế phát sinh liên quan đến việc cho thuê nhà (bao gồm thuế GTGT và thuế TNCN, các loại thuế khác...) do Bên A chịu và thanh toán trực tiếp với cơ quan thuế địa phương.

*Bên B được miễn 01 tháng tiền thuê nhà để sửa chữa, cải tạo nhà. Tiền thuê nhà được tính từ ngày 1/7/2014 hoặc sau 1 tháng kể từ ngày bàn giao nhà.*

#### **3.2 Điều chỉnh Giá thuê:**

- Giá thuê 02 năm đầu (từ 01/07/2014 đến 30/06/2016) là 17.000.000 đồng/tháng.
- Từ năm thứ 3 đến hết năm thứ 4 (từ 01/07/2016 đến 30/06/2018) giá thuê: 18.000.000 VNĐ.
- Từ năm thứ 5 đến hết năm thứ 6 (từ 01/07/2018 đến 30/06/2020) giá thuê: 19.000.000 VNĐ.

Sau

 2

- Từ năm thứ 7 đến hết năm thứ 8 (từ 01/07/2020 đến 30/06/2022) giá thuê: 20.000.000 VNĐ.
- Từ năm thứ 9 đến hết Hợp Đồng (từ 01/07/2022 đến 30/06/2024) giá thuê: 21.000.000 VNĐ.

### 3.3 Phương thức thanh toán:

Bên B thanh toán tiền thuê nhà cho Bên A mỗi đầu kỳ thanh toán 03 tháng/lần bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên A như sau :

**Người Thu Hưởng: Nguyễn Thị Kim Oanh**

**Tài Khoản Số: 0027100000150009**

**Mở tại Ngân Hàng TMCP Phương Đông – Phòng Giao Dịch Đồng Khởi.**

- 3.4 Sau khi Bên B thanh toán, Bên A xuất hóa đơn thuế theo hợp đồng thuê đã đăng ký thuế cho Bên B.

### 3.5 Thời gian thanh toán:

Từ ngày 01 đến 10 của mỗi đầu kỳ thanh toán . Kỳ thanh toán tiền thuê nhà đầu tiên được tính từ ngày 01/07/2014 (30 ngày kể từ ngày nhận bàn giao nhà).

- 3.6 Giá thuê này không bao gồm các chi phí sử dụng điện, nước , điện thoại... hàng tháng. Bên B sẽ thanh toán theo hóa đơn của các Công ty cung cấp dịch vụ trên khối lượng tiêu thụ thực tế của Bên B.

### 3.7 Đặt cọc Thuê Nhà :

Bên B đặt cọc 03 tháng tiền thuê nhà cho Bên A là: **51.000.000 VNĐ** (Năm mươi một triệu đồng chẵn) (“Tiền đặt cọc”). Ngoài ra Bên B còn phải đặt cọc cho Bên A tiền “rủi ro khắc phục sửa chữa nhà” là: **100.000.000 VNĐ** (Một trăm triệu đồng chẵn).

Khoản “Tiền rủi ro khắc phục sửa chữa nhà” được dùng để Bên A sửa chữa, cải tạo lại căn nhà khi Bên B không thực hiện việc sửa chữa tái tạo căn nhà theo hiện trạng ban đầu như Điều 1.4.

“Tiền đặt cọc” và “Tiền rủi ro khắc phục sửa chữa nhà” là 151.000.000VNĐ (Một trăm năm mươi một triệu đồng chẵn) Bên B sẽ thanh toán cho Bên A ngay sau khi hai bên ký Hợp đồng Công chứng theo pháp luật.

## **ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN:**

### **Trách nhiệm bên A:**

- 4.1 Chịu trách nhiệm trước pháp luật toàn bộ về quyền sở hữu đối với căn nhà 26 E Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TPHCM mà Bên A cho Bên B thuê.

Trong trường hợp Bên A có thay đổi về quyền sở hữu đối với căn nhà trên do bất kỳ lý do gì (bán nhà, chuyển quyền sở hữu nhà cho người thân, thế chấp ngân hàng...) và Bên B không được tiếp tục thực hiện Hợp đồng thuê nhà với chủ sở hữu mới thì Hợp đồng thuê sẽ chấm dứt, hoặc Bên A muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì Bên A phải thông báo bằng văn

bản cho Bên B trước 03 tháng. Trong cả hai trường hợp nêu trên Bên A phải hoàn trả lại tiền đặt cọc, “Tiền rủi ro khắc phục sửa chữa nhà” và bồi thường cho Bên B một khoản tiền bằng với số tiền đặt cọc cộng thêm các chi phí sửa chữa và trang trí nội thất mà bên B thực hiện trong căn nhà không thể tháo dỡ được sau khi đã khấu hao 10% / năm theo hóa đơn do bên B cung cấp.

- 4.2 Có trách nhiệm cung cấp toàn bộ giấy tờ liên quan đến quyền sở hữu căn nhà (bản sao có chứng thực tại địa phương), các giấy tờ về hồ sơ xây dựng kết cấu nhà cho Bên B để phục vụ cho việc đăng ký hoạt động của Bên B tại căn nhà thuê của bên A.

Hỗ trợ Bên B tiến hành các thủ tục xin giấy phép sửa chữa, cải tạo khi có yêu cầu.

- 4.3 Giao nhà cho Bên B sau ngày ký Hợp đồng công chứng theo pháp luật và ngay sau khi ký Biên Bản bàn giao nhà không quá 03 ngày.

- 4.4 Bảo đảm quyền sử dụng căn nhà trọn vẹn của bên B trong thời gian thuê.

- 4.5 Hoàn trả “Tiền đặt cọc” cho Bên B trong vòng 15 ngày sau khi Hợp đồng thuê hết thời hạn hoặc khi chấm dứt hợp đồng như nêu tại Điều 2, Điều 5.2.a, Điều 5.2.c.

- 4.6 Hoàn trả “Tiền rủi ro khắc phục sửa chữa nhà” cho Bên B trong vòng 15 ngày sau khi Bên B thực hiện theo đúng trách nhiệm tại Điều 4.17 khi Hợp đồng thuê hết thời hạn hoặc chấm dứt như nêu tại Điều 2, Điều 4.8, Điều 5.2.a.

Hoàn trả “Tiền rủi ro khắc phục sửa chữa nhà” cho Bên B trong vòng 15 ngày mà Bên B không cần phải thực hiện theo trách nhiệm tại Điều 4.17 khi Hợp đồng được chấm dứt trong trường hợp bất khả kháng theo Điều 5.2.c.

Ngược lại Bên A có quyền không hoàn trả “Tiền rủi ro khắc phục sửa chữa nhà” cho Bên B nếu Bên B không thực hiện theo đúng trách nhiệm tại Điều 4.17 khi Hợp đồng thuê hết thời hạn hoặc chấm dứt như nêu tại Điều 2, Điều 4.8, Điều 5.2.a.

#### Quyền hạn Bên A:

- 4.7 Nhận đủ tiền theo đúng thỏa thuận theo Điều 3

- 4.8 Được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn sau khi báo trước cho Bên B 01 tháng, khi đó Bên A không hoàn trả “Tiền đặt cọc” cho Bên B và được Bên B bồi thường mọi thiệt hại nếu Bên B có một trong các hành vi sau:

- Không trả tiền thuê nhà sau 30 ngày khi đến hạn thanh toán mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.
- Sử dụng nhà thuê không đúng mục đích thuê hoặc cho các công ty khác thuê lại mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

Trong các trường hợp nêu trên khi chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn, Bên B đều phải có trách nhiệm thực hiện theo Điều 4.17.

- 4.9 Được nhận lại nhà khi hợp đồng hết hạn hoặc chấm dứt, thanh lý. Bên A không chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên B bất cứ khoản tiền nào về việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo căn

Sau

Mph

nhà khi Hợp đồng thuê hết thời hạn hoặc khi chấm dứt hợp đồng như nêu tại Điều 2, Điều 5.2.a, Điều 5.2.c.

- 4.10 Được quyền cử người tham gia giám sát quá trình sửa chữa căn nhà khi Bên B thực hiện cải tạo lại căn nhà để trả lại cho Bên A khi kết thúc hoặc chấm dứt Hợp đồng thuê nhà.
- 4.11 Trong suốt thời gian thuê nhà, quyền sở hữu nhà vẫn thuộc về Bên A.

**Trách nhiệm bên B:**

- 4.12 Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tư cách pháp nhân và các hoạt động hợp pháp của mình tại căn nhà thuê của Bên A.
- 4.13 Hàng tháng, các chi phí sử dụng điện, nước, điện thoại... Bên B sẽ thanh toán theo hóa đơn của các Công ty cung cấp dịch vụ trên khối lượng tiêu thụ thực tế của Bên B.
- 4.14 Sử dụng căn nhà thuê đúng mục đích thuê, không được chuyển nhượng hợp đồng thuê hoặc cho công ty khác thuê lại (trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A).
- 4.15 Trong quá trình sử dụng căn nhà thuê, khi cần cải tạo sửa chữa theo yêu cầu riêng thì Bên B phải tuân theo các qui định xây dựng cơ bản hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Bên B phải lập văn bản thông báo cho Bên A và phải có xác nhận của Bên A đối với những phần chi tiết căn nhà cần phải sửa chữa, chi phí này do Bên B chịu.
- 4.16 Trả tiền thuê nhà cho Bên A đúng thời hạn như qui định tại Điều 3.5 của hợp đồng.
- 4.17 Giao trả nhà cho Bên A khi hợp đồng hết hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn. Nếu có yêu cầu của Bên A thì trong thời hạn 01 tháng kể từ thời điểm Bên B trả nhà cho Bên A, Bên B phải thực hiện sửa chữa lại căn nhà theo hiện trạng ban đầu khi Bên A bàn giao cho Bên B, và có sự xác nhận của Bên A khi Bên B đã sửa chữa xong.

**Quyền hạn Bên B:**

- 4.18 Nhận nhà thuê theo đúng thỏa thuận.
- 4.19 Được ưu tiên ký Hợp Đồng thuê tiếp sau khi hai bên đạt được thỏa thuận mới về giá thuê và thời hạn thuê khi hết hạn hợp đồng.
- 4.20 Được bảo đảm tiếp tục theo các điều kiện của hợp đồng này cho đến hết hạn hợp đồng trong trường hợp có sự thay đổi chủ sở hữu nhà cho thuê.
- 4.21 Được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng sau khi báo trước cho Bên A 02 tháng, chịu trách nhiệm thanh toán tiền nhà, tiền điện, tiền nước tính đến ngày bàn giao lại căn nhà. Bên B sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc, ngoài ra không phải đền bù cho Bên A bất cứ một khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng nào.

Trong trường hợp này Bên B phải có trách nhiệm thực hiện theo Điều 4.17, và được quyền nhận lại “Tiền rủi ro khắc phục sửa chữa nhà” trong vòng 15 ngày sau khi Bên B thực hiện theo đúng trách nhiệm tại Điều 4.17.

4.22 Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng sau khi báo trước cho Bên A 01 tháng; khi đó bên A phải hoàn trả lại “Tiền đặt cọc”, “Tiền rủi ro khắc phục sửa chữa nhà” và bồi thường thêm một khoản tiền bằng với số tiền đặt cọc cộng với các chi phí sửa chữa theo hóa đơn, chúng từ (do bên B cung cấp) cho bên B trong vòng 30 ngày, nếu Bên A có một trong các hành vi sau:

- Giao nhà không đúng như thỏa thuận (trừ khi có sự đồng ý của Bên B).
- Quyền sử dụng nhà bị hạn chế do lợi ích của bên thứ ba.

4.23 Được nhận lại toàn bộ “Tiền đặt cọc” khi hợp đồng thuê hết hạn hoặc khi chấm dứt hợp đồng như nêu tại Điều 2, Điều 5.2.a, Điều 5.2.c.

4.24 Được nhận lại “Tiền rủi ro khắc phục sửa chữa nhà” sau khi Bên B đã thực hiện theo trách nhiệm tại Điều 4.17.

4.25 Ngược lại Bên B sẽ không được nhận lại “Tiền rủi ro khắc phục sửa chữa nhà” nếu Bên B không thực hiện như trách nhiệm tại Điều 4.17.

#### **ĐIỀU 5: CAM KẾT CHUNG:**

5.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng hợp đồng đã ký, không tự ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng (nhà giải tòa theo quy hoạch của Nhà nước, thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc theo yêu cầu của các cơ quan chính quyền).

Mọi chứng cứ bất khả kháng phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và gửi đến đối tác của mình trong hợp đồng này trong thời gian nhanh nhất.

5.2 Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a. Hết hạn hợp đồng mà hai bên không có ý định ký tiếp hoặc gia hạn hợp đồng.
- b. Có một bên vi phạm một trong các điều khoản của hợp đồng.
- c. Nếu một trong hai bên hoặc cả hai bên rơi vào trường hợp bất khả kháng (điều 5.1) thì hợp đồng thuê nhà cũng được chấm dứt.

5.3 Sau khi kết thúc thời hạn thuê như quy định tại Điều 2, Điều 5.2 Bên B phải giao trả lại căn nhà cho Bên A và trong thời hạn 01 tháng Bên B phải thực hiện sửa chữa lại căn nhà theo hiện trạng ban đầu khi Bên A bàn giao cho Bên B (có xác nhận của Bên A khi sửa chữa xong). Đồng thời Bên A sẽ hoàn trả “Tiền đặt cọc” và “Tiền rủi ro khắc phục sửa chữa nhà” cho Bên B sau khi Bên B thanh toán đầy đủ tiền nhà, tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại ... đã sử dụng tính đến ngày bàn giao lại căn nhà (nếu có).

5.4 Khi hợp đồng chấm dứt, Bên B có quyền mang ra khỏi địa chỉ thuê các đồ đạc, trang thiết bị tài sản (máy lạnh, quạt ...) do Bên B đem đến để trang bị phục vụ cho hoạt động, công tác của mình trong thời gian thuê. Bên B không được quyền đập phá thu hồi cơ sở vật chất đã được gắn chặt, xây tô... với căn nhà thuê.

5.5 Trong trường hợp có điều khoản nào của hợp đồng mà bị vô hiệu bởi các qui định của pháp luật thì hợp đồng này không bị vô hiệu hoàn toàn mà vẫn tiếp tục thực hiện theo các điều khoản còn lại dựa trên sự bàn bạc và thống nhất giữa 2 bên bằng văn bản.

**ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG:**

- 6.1 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, trở ngại hai bên sẽ bàn bạc giải quyết. Mọi sự thay đổi các điều khoản ghi trong hợp đồng sẽ được thể hiện trên phụ lục hợp đồng kèm theo.
- 6.2 Bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại về vật chất cho bên kia thì phải chịu bồi thường theo sự thỏa thuận giữa hai bên, nếu 02 bên không đi đến thống nhất thì vụ việc sẽ được đưa ra Tòa Án có thẩm quyền tại TP.HCM giải quyết và phán quyết của Tòa là quyết định chung thẩm mà 02 bên có nghĩa vụ phải thi hành.
- 6.3 Việc công chứng Hợp Đồng thuê này theo qui định của pháp luật Bên B sẽ chịu 100% chi phí công chứng này.
- 6.4 Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 05 bản. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản, lưu 01 bản tại phòng công chứng số 1 TPHCM.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

Tôi đã đọc và đồng ý

Gnp  
Nguyễn Thị Sửu

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

Tôi đã đọc & đồng ý



Nguyễn Trí



## LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngày 16 tháng 05 năm 2014 (Ngày mười sáu tháng năm năm hai ngàn không trăm mười bốn)  
tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Hồ Chí Minh, 97 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1.  
Tôi *Vân Chi Mỹ Đức* công chứng viên Phòng Công chứng số 1 thành phố Hồ Chí Minh.

Chứng nhận:

- Hợp đồng thuê toàn bộ căn nhà số 26E Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TP.HCM,  
được giao kết giữa:

### BÊN CHO THUÊ NHÀ (BÊN A):

Bà : NGUYỄN THỊ SỬ  
Chứng minh nhân dân số : 020204484 cấp tại công an Thành Phố Hồ Chí Minh

### BÊN THUÊ NHÀ (BÊN B):

### CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Trụ sở : 240 Lê Thánh Tôn, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM  
GCNĐKDN số : 0306340691  
Do bà : NGUYỄN NGỌC TRINH  
Chứng minh nhân dân số : 023158583 cấp tại công an Thành Phố Hồ Chí Minh  
Chức vụ : Phó giám đốc  
Làm đại diện theo giấy ủy quyền số 02-2014/UQ ngày 12/05/2014.

- Các bên đã tự nguyện thoả thuận giao kết hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng;
- Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;
- Nội dung thoả thuận của các bên trong hợp đồng phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội;
- Đối tượng của hợp đồng là có thật.
- Các bên đã đọc lại hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký vào hợp đồng này trước sự có mặt của tôi.

Hợp đồng này gồm 05 bản chính (mỗi bản chính gồm 08 tờ 08 trang), cấp cho:

- + Bên A: 01 bản chính.
- + Bên B: 01 bản chính.

Lưu một bản chính tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Hồ Chí Minh.

Số công chứng **0 1 0 5 8 6**  
Quyển số 05 TP/CC - SCC/HĐGD.

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực **0 0 5 0 6 8** Quyển số: **02** SCT/BS

Ngày **21-02-2023**

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẾN NGHÉ**

**CÔNG CHỨNG VIÊN**



*Hà Nội Vũ Hoàng Trọng*

**CÔNG CHỨNG VIÊN**



*Vân Chi Mỹ Đức*

SỞ XÂY DỰNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM QUẢN LÝ  
HẠ TẦNG KỸ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4867 /TTHT-HTTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2020

V/v thỏa thuận đấu nối cống nhánh thoát nước tại địa chỉ nhà số 26C-26D-26E đường Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4 vào hệ thống thoát nước chung của thành phố.

Kính gửi:

- Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật;
- Công ty TNHH Tư vấn Hạ tầng Kỹ thuật Sài Gòn. ✓

Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh (Trung tâm Hạ tầng) nhận được Đơn đề nghị của Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật và hồ sơ thiết kế do Công ty TNHH Tư vấn Hạ tầng Kỹ thuật Sài Gòn lập về việc đấu nối cống nhánh thoát nước tại địa chỉ nhà số 26C-26D-26E đường Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4 vào hệ thống thoát nước chung của thành phố. Sau khi xem xét hồ sơ và kiểm tra hiện trường, Trung tâm Hạ tầng có ý kiến như sau:

1. Thống nhất đấu nối cống nhánh thoát nước tại địa chỉ nhà số 26C-26D-26E đường Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4 vào hệ thống thoát nước chung của thành phố (theo hồ sơ và bản vẽ do Công ty TNHH Tư vấn Hạ tầng Kỹ thuật Sài Gòn thiết kế đính kèm). Cụ thể như sau:

- Địa chỉ đấu nối: Nhà số 26C-26D-26E đường Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4.

- Hàm ga đấu nối: Trước nhà số 26B đường Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4.

- Chủng loại, đường kính cống, chiều dài: Cống PVC D168, dài 9,0m.

- Kích thước, kết cấu lán phui: 9,0mx0,4m vỉa hè gạch terrazzo.

2. Chủ đầu tư, đơn vị thi công trước khi thực hiện cần lưu ý:

Trong quá trình thi công công trình đề nghị đơn vị thi công không được xả bùn, cát, đá, bê tông và những chất nguy hại khác vào hệ thống thoát nước hiện hữu làm ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước chung của thành phố, nếu có phát sinh gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nhân dân trong khu vực như gây ngập úng, ô nhiễm môi trường, ... thì chủ đầu tư và đơn vị thi công hoàn toàn chịu trách nhiệm, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời, có báo cáo kết quả cho cơ quan chức năng xem xét mới được triển khai các bước tiếp theo.



Kết cấu tái lập phui đào, thực hiện đúng theo qui định (theo Quyết định số 30/2018/QĐ-UB ngày 04 tháng 9 năm 2018 và Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố và Văn bản số 6460/HD-SGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Sở Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quy định về thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh).

Trước khi thi công đấu nối, Trung tâm Hạ tầng đề nghị chủ đầu tư/đơn vị thi công liên hệ với đơn vị quản lý đường/via hè để được cấp Giấy phép thi công công trình trên theo quy định.

Sau khi có giấy phép thi công được cấp thẩm quyền cấp, Trung tâm Hạ tầng đề nghị chủ đầu tư/đơn vị thi công thông báo bằng văn bản thời gian thi công đến Trung tâm Hạ tầng để phối hợp kiểm tra, giám sát.

Phối hợp với các đơn vị quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật như cấp nước, điện lực, cáp viễn thông, ... để xử lý giao cắt (nếu có).

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm tự di dời và tự chịu mọi kinh phí để phục vụ nâng cấp mở rộng đường trong tương lai khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Nước thải vào hệ thống thoát nước chung của thành phố phải đạt tiêu chuẩn môi trường theo Quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trung tâm Hạ tầng chuyển đến Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật và Công ty TNHH Tư vấn Hạ tầng Kỹ thuật Sài Gòn nội dung ý kiến nêu trên.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân Quận 4;
- Thanh tra Sở GTVT (để phối hợp);
- Công ty TNHH MTV Thoát nước đô thị (để biết, kiểm tra);
- Lưu: VT, P.HTTN Sơn(07b)

**Chứng thực bản sao**

**dùng với bản chính**

01551 01 2023

Số chứng thực..... Quyền số.....SCT/BS

Ngày.....23-02-2023

CHỦ TỊCH QUANG 13 QUẬN 4



KT.GIÁM ĐỐC  
~~PHÓ GIÁM ĐỐC~~



Đỗ Tấn Long

TRUNG TÂM QUẢN LÝ  
HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Số: 405

ĐẾN Ngày: 04/11/2020

Chuyên: .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

Về đấu nối cống nhánh vào hệ thống thoát nước thành phố.

Kính gửi: Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.

Tôi tên: Lê Thị Thu Thảo

Đại diện: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT.**

Địa chỉ: 26C-26D-26E đường Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Tôi làm đơn này đề nghị Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh cho phép tôi được đấu nối hệ thống thoát nước từ nhà số 26C-26D-26E đường Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4 vào hệ thống thoát nước của thành phố.

Tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định của nhà nước:

1. Trong việc sử dụng hệ thống thoát nước với mục đích:

- a. Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ  c. Nội dung khác: .....
- b. Nước thải sinh hoạt  .....

2. Tôi ủy quyền cho Công ty (đính kèm giấy ủy quyền và Hợp đồng kinh tế) đại diện cho tôi liên hệ quý Trung tâm thực hiện các thủ tục thỏa thuận đấu nối và thi công công trình đảm bảo tuân thủ các quy định tại Quyết định số 30/2018/QĐ-UB ngày 04 tháng 9 năm 2018 và Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các quy định hiện hành khác có liên quan.

3. Thi công đúng hồ sơ thiết kế đã được Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh xem xét và chấp thuận.

4. Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh có quyền thay đổi hoặc bổ sung phần cống thoát nước do Trung tâm quản lý khi cần thiết nhằm phục vụ lợi ích công cộng.

5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật được qui định tại Luật Xây dựng và các Văn bản qui phạm pháp luật có liên quan. Nếu để mất an toàn, hư hỏng cây xanh, các công trình ngầm, nổi lên kè hoặc xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kè. Tôi sẽ chịu mọi chi phí để khắc phục do việc thi công gây ra.

6. Đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn giao thông và hoàn trả mặt bằng nguyên trạng, bảo đảm chất lượng và cao độ.

7. Trong quá trình sử dụng không tự ý cho các hộ khác đấu nối vào đường ống thoát nước của chủ sở hữu nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.

8. Nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước thành phố phải đạt tiêu chuẩn xả thải theo quy định (đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ). Không thải trực tiếp phân nhà cầu, chất thải gây nghẹt hoặc những chất thải độc hại khác chưa qua xử lý vào hệ thống thoát nước.

Nếu không thực hiện đúng theo các nội dung đơn này, tôi chấp thuận ngưng ngay việc đấu nối, khắc phục hậu quả và bị xử lý theo các quy định của nhà nước. Đề nghị Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh xem xét thỏa thuận cho tôi được đấu nối cống vào hệ thống thoát nước của thành phố.

Số chứng thực: 01554 Quyết định: 01 Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2020

Ngày: 23-02-2023

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



*Lê Thị Thu Thảo*

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN HẠ  
TẦNG KỸ THUẬT SÀI GÒN**

---ooOoo---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2020

V/v: Xin thỏa thuận đấu nối  
cống nhánh thoát nước vào hệ  
thống thoát nước thành phố.

Kính gửi: **Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.**

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Quyết định số 185/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định quản lý, bảo vệ công trình thoát nước công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh thay mặt, giúp Ủy ban nhân dân thành phố làm chủ sở hữu, tổ chức quản lý toàn bộ hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố.

Theo đơn xin đấu nối cống thoát nước của:

Đại diện: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT.**

Địa chỉ: 26C-26D-26E đường Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Đề nghị Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh thỏa thuận cho đấu nối hệ thống thoát nước như sau:

| ĐƠN VỊ/<br>CHỦ HỘ  | ĐỊA CHỈ ĐẤU NỐI  | VỊ TRÍ<br>HÀM GA TP  | KÍCH THƯỚC<br>& KẾT CẤU LÀN PHỤ      | CHUNG LOẠI,<br>KÍCH THƯỚC<br>(Φ, L) CỐNG |
|--|--|--|--------------------------------------|--|
| CHI NHÁNH<br>CÔNG TY<br>TNHH THỰC<br>PHẨM TÂN<br>VIỆT NHẬT | 26C-26D-26E<br>đường Lê Quốc<br>Hưng, Phường<br>12, Quận 4 | Trước nhà số 26B<br>đường Lê Quốc Hưng,<br>Phường 12, Quận 4 (theo<br>bản vẽ đính kèm) | 9,0mx0,4m<br>via hè gạch<br>terrazzo | Cống PVC,<br>D168, L=9m                  |

Cơ quan - đơn vị xin phép đấu nối cam kết:

- Về quyền sử dụng đất, nhà ở của đơn vị/chủ hộ đề nghị đấu nối.
- Chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Quyết định số 30/2018/QĐ-UB ngày 04 tháng 9 năm 2018 và Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Quy định về thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
- Bảo vệ nguyên trạng các hệ thống biển báo giao thông trong khu vực thi công gồm có: cọc tiêu, biển báo, các vạch sơn kẻ đường.

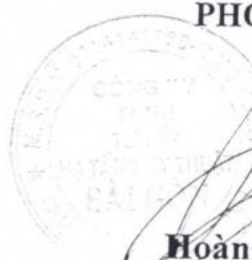
Số chứng thực: 01553 Quyền số: 01-2023

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT



**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN HẠ TẦNG KỸ THUẬT SÀI GÒN  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Thị Hòa Bình**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2020

**PHƯƠNG ÁN THI CÔNG**

**Công trình:** Đầu nối công nhánh thoát nước vào hệ thống thoát nước thành phố  
**Địa điểm:** Nhà số 26C-26D-26E đường Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4.

**I. KHỐI LƯỢNG THI CÔNG:**

- Đào vỉa hè (gạch terrazzo) đặt cống:

+ Cống PVC D168 : 9,0m

+ Tái lập lần phui : 9,0mx0,4m = 3,6 m<sup>2</sup>

+ Đầu nối vào hầm ga hiện hữu thành phố trước nhà số 26B đường Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4 (theo bản vẽ thiết kế đính kèm).

**II. BIỆN PHÁP THI CÔNG:**

Để đảm bảo tiến độ thi công cũng như việc đi lại của người dân, lưu thông xe không bị trở ngại. Công ty TNHH Tư vấn Hạ tầng Kỹ thuật Sài Gòn có biện pháp thi công như sau:

Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ, phương tiện thi công.

Đào vỉa hè đặt cống D168 dài 9,0m theo độ sâu quy định bằng biện pháp thi công thủ công.

Lấp cát tưới nước, tái lập lần phui vỉa hè theo đúng bản vẽ thiết kế được duyệt.

Dùng máy cắt lớp vỉa hè hai bên rãnh đào, sau đó đào đến độ sâu quy định bằng biện pháp thi công thủ công.

Lắp đặt cống D168 dài 9,0m.

Lấp cát tưới nước đầm chặt, thi công tái lập lần phui theo bản vẽ được duyệt.

Phần đất đá đào lên được vận chuyển đi đổ và dọn dẹp vệ sinh, không gây trở ngại cho việc lưu thông.

Trong suốt quá trình thi công, khu vực thi công được lập rào chắn, biển báo công trường đang thi công, đèn cảnh báo giao thông, đèn chiếu sáng ban đêm.

Công nhân thi công tại công trường được phổ biến các quy trình lao động, trang bị đầy đủ các phương tiện thi công, dụng cụ bảo hộ lao động, phòng hộ cá nhân.

**III. THỜI GIAN THI CÔNG:**

- Công ty thi công vào ban đêm không làm gián đoạn giao thông trên đường.

- Thời gian thi công là 01 ngày kể từ ngày khởi công, không kể thời gian phải ngưng thi công do nguyên nhân khách quan chờ xử lý.

Công nhân chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ huy công trường, thường xuyên theo dõi suốt quá trình thi công, trực 24/24.

Đảm bảo tuyến công này sẽ hoàn chỉnh lúc 05 giờ sáng ngày hôm sau để đảm bảo lưu thông. Quyền số SCT/BS

Ngày 23-02-2023

KU TỊCH BỐ ĐO PHƯỜNG 13 QUẬN 4



PHÓ GIÁM ĐỐC

Hoàng Thị Hòa Bình

**BẢN SAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

## **HỢP ĐỒNG THU GOM RÁC SINH HOẠT**

**008HDDV/TGRSH/TVN-2021**

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Hợp tác xã Dịch vụ Môi trường Quận 4
- Căn cứ nhu cầu của Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật

Hôm nay, ngày 30 tháng 12 năm 2022

Tại Chi nhánh Công ty TNHH Thực Phẩm Tân Việt Nhật

**Chúng tôi gồm có:**

### **BÊN THUÊ THU GOM RÁC (Gọi tắt là bên A)**

Tên đơn vị : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ trụ sở : 26C-26D-26E Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4, TP.HCM.

Điện thoại : (08) 39 431 502 Fax: (08) 39 431 500

Do Ông : **LÊ THỊ THU THẢO** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Mã số thuế : 0306340691-004

### **BÊN THỰC HIỆN THU GOM RÁC (Gọi tắt là bên B)**

Tên đơn vị : **HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG QUẬN 4**

Địa chỉ trụ sở : 2G, Đường 16, Phường 4, Quận 4, TP.HCM

Điện thoại : 0903113970

Do Ông : **NGUYỄN MINH PHƯƠNG** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Mã số thuế : 0315400097

**Sau khi thảo luận bàn bạc, hai bên thống nhất ký hợp đồng thu gom rác sinh hoạt với nội dung:**

### **ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

Bên A ký hợp đồng giao cho bên B thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt.

- Tần suất lấy rác: 01 lần / ngày
- Thời gian lấy rác: 19h00 hàng ngày.
- Phương tiện vận chuyển: xe ép rác

### **ĐIỀU 2: QUYỀN- TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN**

**BÊN A:**

- Có trách nhiệm bố trí điểm đặt, nơi lưu chứa rác thích hợp, tạo mọi điều kiện để bên B vào lấy rác
- Thanh toán chi phí thu gom rác cho bên B theo Điều 3 của hợp đồng
- Tất cả các loại rác thải phải lưu chứa trong bao ni lông, thùng rác có nắp đậy

BÊN B:

- Thực hiện Điều 1 hợp đồng này
- Có trách nhiệm thu gom sạch sẽ hàng ngày không để rác rơi vãi
- Các phương tiện thu gom rác phải bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: **05059** Ngày: **21-02-2023** Quyền số: **02-SCT/BS**

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẾN NGHÉ**

**ĐIỀU 3: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

**1. Phí dịch vụ: (Chưa bao gồm thuế VAT)**

Phí dịch vụ : **700.000 đồng / tháng**

Bằng chữ : **Bảy trăm nghìn đồng chẵn**

Phí dịch vụ trên đã bao gồm phí thu gom rác của các ngày nghỉ, lễ và Tết.

Bên A sẽ **không hỗ trợ** thanh toán thêm phí tiền rác cuối năm vào dịp Tết ta nhằm tháng chạp âm lịch hàng năm.

**2. Phương thức thanh toán:**

Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt phí thu gom rác theo quý ( 3 tháng/lần) tại địa chỉ văn phòng của bên B.

**ĐIỀU 4: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

Hợp đồng có giá trị kể từ ngày: 01/01/2023 đến 31/12/2023. Và sẽ tự động gia hạn cho các năm tiếp theo.

**ĐIỀU 5: CAM KẾT CHUNG**

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ghi trong hợp đồng.
- Nếu có khó khăn hay thay đổi đột xuất, hai bên cùng nhau bàn bạc đi đến biện pháp tốt nhất. Khi một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng thì phải báo cho nhau trước 15 ngày bằng văn bản.

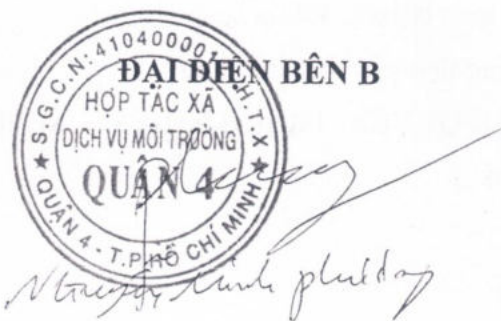
- Hợp đồng gồm có 02 trang và được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.



*Ngày 20/02/2023*  
*Người: Vũ Huyền Trang*



*Võ Thị Thu Thảo*





**BẢN SAO**  
NH. Thảo (THN)

## HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 1596 /HĐ.MTĐT-NH/22.4.VX

**V/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị Định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Giấy phép hành nghề Quản lý chất thải nguy hại do Tổng Cục Môi trường – Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/01/2020 (cấp lần hai), mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX;

Căn cứ hợp đồng liên kết số: 2086/HĐ.MTĐT-THN/017.V ký ngày 02/02/2017 giữa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Tp.Hồ Chí Minh và Công ty TNHH MTV Môi trường Tân Hồng Ngọc, về việc tư vấn, thu gom và vận chuyển CTNH cho các chủ nguồn thải;

Căn cứ Công Văn số: 01/2022/CTNH ký ngày 01/06/2022 về việc kê khai CTNH tại cửa hàng.

*Hôm nay, ngày 01/06/2022, chúng tôi gồm:*

### **BÊN A: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT**

**(Chủ nguồn thải)**

Địa chỉ : 26C - 26D - 26E Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028.389.431.500

Mã số thuế : 0306 340 691- 004

Số tài khoản : 0511000418118 – VCB chi nhánh Quận 5

1902201055433 – Agribank Chi nhánh 4 Tp HCM

Đại diện : Bà **LÊ THỊ THU THẢO**

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

### **BÊN B: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP. HCM**

**(Chủ hành nghề QLCTNH)**

Địa chỉ : 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TPHCM.

Điện thoại : 0283 820 8666 – 0283 820 6550 Fax: 02838 202 769

Mã số thuế : 0300438813

Số tài khoản : 310 1000000 5651 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM.

Đại diện : Ông **NGUYỄN THANH SƠN**

Chức vụ: Phó Giám Đốc

*(Căn cứ Giấy ủy quyền số 544/GUQ-MTĐT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị TP.HCM)*





Sau khi thảo luận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với các điều khoản và điều kiện sau :

## **ĐIỀU 1: NỘI DUNG DỊCH VỤ**

Bên A đồng ý giao cho Bên B nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại tại các cửa hàng của Bên A theo thông tin bên dưới.

### **1.1 Thời gian, địa điểm thu gom và xử lý chất thải nguy hại:**

- Thời gian: 2 lần/năm (dự kiến vào tháng 6 và tháng 11 năm 2022, bên A báo trước cho bên B 01 tháng, liên hệ: 0909339080/0905343139).
- Địa điểm thu gom chất thải nguy hại: **Chi nhánh Công ty TNHH thực phẩm Tân Việt Nhật – 26C – 26D – 26E Lê Quốc Hưng, phường 13, quận 4, Tp. HCM.**
- Đơn vị liên kết vận chuyển: Công ty TNHH MTV Môi trường Tân Hồng Ngọc.
- Liên hệ: Thương Số điện thoại: 0909339080
- Phương tiện vận chuyển: Xe chuyên dùng biển kiểm soát (51C – 21759; 51C – 05012; 51C – 05013; 51C – 81460; 51C – 32520; 51C – 68599; 51D – 40713; 51D - 29933)
- Địa điểm xử lý: Nhà máy xử lý CTNH tại Đông Thạnh hoặc nhà máy Bình Hưng Hòa.

## **ĐIỀU 2 : ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

### **2.1 Danh sách các loại CTNH cần xử lý:**

| Stt | Tên chất thải   | Mã CTNH  | Trạng thái tồn tại | Khối lượng (kg/năm) | Điều kiện lưu chứa        |
|-----|---|----------|--------------------|---------------------|---------------------------|
| 1   | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải | 16 01 06 | Rắn                | <b>50kg</b>         | Chứa trong bao riêng biệt |
| 2   | Pin, ắc quy chì thải                                      | 19 06 01 | Rắn                |                     |                           |
| 3   | Hộp mực in thải có các TPNH                               | 08 02 04 | Rắn                |                     |                           |
| 4   | Giẻ lau, vảo bảo vệ thải bị nhiễm các TPNH                | 18 02 01 | Rắn                |                     |                           |

### **2.2 Giá trị hợp đồng:** khoán 3.000.000 đồng/năm . *Bằng chữ: Ba triệu đồng.*

Dịch vụ chưa bao gồm thuế VAT (thuế VAT được áp dụng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản pháp lí về thuế có hiệu lực hiện hành)

Nếu khối lượng vượt quá 50 kg/năm (Bóng đèn vượt quá 5kg) thì chi phí xử lý tính thêm là:

- 40.000đ/kg đối với bóng đèn huỳnh quang;
- 10.000 đồng/kg đối với các chất thải khác

### **2.3 Phương thức nghiệm thu, thanh toán:**

Sau khi chuyển giao khối lượng CTNH, hai bên sẽ lập biên bản giao nhận xác nhận khối lượng đã chuyển giao. Trên cơ sở đó Bên B xuất hoá đơn tài chính cho Bên A

Bên A thanh toán cho bên B trong vòng 15 ngày bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản số: 310 1000000 5651 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM.

Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam đồng



Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời gian hợp đồng thì Bên B sẽ ngưng thu gom CTNH cho Bên A.

### **ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM 2 BÊN**

- 3.1 Bên A phải cung cấp bản sao sổ chủ nguồn thải, chứng từ quản lý CTNH và các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu.
- 3.2 Bên B phải cung cấp cho Bên A các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu.
- 3.3 Hai bên cùng ký vào chứng từ CTNH, Biên bản giao nhận trên mỗi chuyến.

#### **Bên A:**

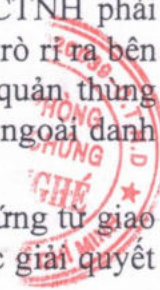
1. Nơi chứa CTNH phải thuận tiện cho xe ra vào lấy CTNH, mỗi loại CTNH phải được bỏ sẵn vào phương tiện chứa CTNH riêng bảo đảm không để rơi vãi, rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên, mã số CTNH và tên bệnh viện. Có trách nhiệm bảo quản thùng chứa CTNH thuê của Bên B (nếu có). Không được để lẫn các CTNH khác ngoài danh mục hợp đồng.
2. Xác nhận số lượng, khối lượng chuyển vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận CTNH và Biên bản giao nhận của bên B. Thanh toán chi phí cho việc giải quyết CTNH cho bên B sau khi nhận được hoá đơn tài chính của bên B.
3. Thông báo cho bên B trước trong trường hợp khối lượng CTNH tăng để bên B có kế hoạch điều động phương tiện thu gom. Chi phí phát sinh bên A chịu.
4. Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu để lẫn CTNH không có trong danh mục CTNH của nội dung hợp đồng.
5. Bên A phải giao đúng khối lượng và chủng loại CTNH theo Biên bản thống nhất xác định khối lượng và chủng loại phát sinh tại CNT.

#### **Bên B:**

1. Bảo đảm giải quyết toàn bộ lượng CTNH đúng như hợp đồng đã ký kết giữa 2 bên.
2. Bên B sẽ thu gom chất thải nguy hại của bên A đã được chứa trong thùng, vật chứa chuyên dụng hoặc trong các bao chứa chất thải nguy hại, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý CTNH của bên B.
3. Bên B đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
4. Trong trường hợp xe hư hỏng Bên B sẽ sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong thời gian sớm nhất (48 giờ).
5. Bên B từ chối vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên A giao CTNH không đúng theo nội dung hợp đồng.
6. Thanh toán tiền tạm ứng khi thanh lý hợp đồng (khi bên A không vi phạm các điều khoản để mất tiền tạm ứng).

### **ĐIỀU 4: GIẢI QUYẾT CÁC TRƯỜNG HỢP PHÁT SINH**

- 4.1 Đối với bên A, trong trường hợp ngưng hoạt động hoặc lượng CTNH tăng quá nhiều, cần phải báo ngay cho bên B ngưng hoặc điều động thêm xe, thêm chuyến để giải quyết CTNH ngoài định kỳ đã được quy định ở Điều 1 (Báo trước 1 ngày về số



4.2 Đối với bên B, trong trường hợp máy móc, phương tiện gặp sự cố bất thường, cần phải thông báo ngay cho bên A, và tìm biện pháp giải quyết kịp thời, không để CTNH ứ đọng làm ảnh hưởng vệ sinh, môi trường trong khu vực của bên A.

## **ĐIỀU 5: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:**

5.1 Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.

5.2 Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nước CHXHCN Việt Nam.

## **ĐIỀU 6: NGÔN NGỮ SỬ DỤNG:**

Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.

## **ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

7.1 Hai bên cùng đồng ý thực hiện đúng và đủ các điều khoản của Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác và 2 bên cùng có lợi. Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, phải thông báo cho bên kia biết trước một tháng.

7.2 Bên B phải thu gom CTNH cho Bên A theo đúng thời hạn đã thỏa thuận, nếu thời gian thu gom chậm trễ quá **10 (mười) ngày** kể từ ngày Bên A thông báo, thì bên A có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng. Ngoài ra, khi Bên B chậm trễ thu gom, vận chuyển, xử lý bất kỳ khi nào mà dẫn đến Bên A bị phạt, bồi thường cơ quan nhà nước hay bên nào khác thì Bên B phải bồi hoàn đầy đủ cho Bên A và bị phạt thêm 2% (hai phần trăm) chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý của đợt đó.

7.3 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ kết thúc ngày 30/6/2023. Khi hợp đồng hết hạn nếu hai bên không còn nợ nhau hợp đồng xem như tự thanh lý.

7.4 Sau khi ký hợp đồng trong vòng 08 tháng nếu bên A không giao CTNH cho bên B thì hợp đồng này sẽ tự thanh lý (không còn giá trị pháp lý).

7.5 Bên A tuyệt đối không được sử dụng hợp đồng này để ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với các chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý khác.

7.6 Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau bên A giữ 02 (hai) bản và bên B giữ 04 (bốn) bản/.



**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**GIÁM ĐỐC**

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thư: **005058**

Quyển số: **02**

**SCT/BS**

Ngày: **21-02-2023**

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BÊN NGHỀ**



*Lê Thị Hương*

**CÔNG CHỨNG BÊN NGHỀ**

**CÔNG CHỨNG BÊN NGHỀ**

**CÔNG CHỨNG BÊN NGHỀ**



**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thanh Sơn**

**BIÊN BẢN**

**V/v tổ chức tuyên truyền kiến thức pháp luật  
về phòng cháy và chữa cháy**

Hôm nay, vào hồi 11 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại: Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật.

Địa chỉ: Số 26 C, D, E Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4.

*Chúng tôi gồm:*

**I. Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an Quận 4:**

1. Đ/c Trần Quốc Cường – Đại úy – Tổ trưởng kiểm tra.

**II. Đại diện cơ sở:**

1. Ông/Bà: *Lê Thị Thu Thảo*.... – Chức vụ: Giám đốc

Đã tổ chức tuyên truyền, kiến thức pháp luật về PCCC cho nhân viên và lực lượng PCCC Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật.

. Gồm các nội dung sau:

**1. Thời gian**

Từ 8 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 5 năm 2022.

**2. Địa điểm**

Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật.

**3. Thành phần tham dự**

Nhân viên và đội viên đội phòng cháy chữa cháy cơ sở: 20 người.

**4. Nội dung**

**a/ Kiến thức pháp luật:**

Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở, trách nhiệm của đội viên đội PCCC cơ sở, trách nhiệm của nhân viên đối với công tác PCCC.

Luật Phòng cháy và chữa cháy đã được thông qua ngày 4/10/2001;

Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2013;

Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ;

Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an;

Các Nghị định, Thông tư, Quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy và các văn bản khác có liên quan đến công tác PCCC.

**b. Kiến thức cơ bản về phòng cháy chữa cháy:**

Các biện pháp phòng cháy đối với Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật.

Cách xử lý khi có sự cố cháy nổ.

Các phương pháp thoát nạn khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

Cách bảo quản bảo dưỡng phương tiện phòng cháy chữa cháy được trang bị.

Những kiến thức cơ bản về phòng cháy và chữa cháy: Khái niệm cơ bản về cháy, nổ; những biểu hiện đặc trưng của sự cháy, các yếu tố hình thành nên sự cháy; quá trình phát triển của đám cháy;

Phương pháp tuyên truyền, xây dựng phong trào quần chúng PCCC; Biện pháp phòng cháy;

Phương pháp lập và thực tập phương án chữa cháy, biện pháp chiến thuật, kỹ chiến thuật chữa cháy;

Phương pháp tự kiểm tra an toàn PCCC trong cơ sở.

Cách sử dụng và phân biệt các loại bình chữa cháy xách tay và các phương tiện chữa cháy được trang bị tại cơ sở; Cách sử dụng một số phương tiện cứu nạn thông thường;

Các biện pháp đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy trong quá trình sử dụng gas, các thiết bị sinh lửa, sinh nhiệt.

Biên bản lập xong vào lúc 11 giờ 30 phút, cùng ngày gồm 02 trang được lập thành 2 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN  
CƠ SỞ ✓

(Ký tên, đóng dấu)



Lê Thị Thu Thảo

CÁN BỘ TUYÊN TRUYỀN

*(Handwritten signature)*  
Lê Quốc Cường

Chứng thực bản sao  
đúng với bản chính  
01544 01 2023

Số chứng thực..... Quyển số.....SCT/BS  
23 -02- 2023  
Ngày.....tháng.....năm.....

HỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 13 QUẬN 4



Lê Quốc Cường

**BIÊN BẢN**  
**GIÁM SÁT THỰC TẬP PHƯƠNG ÁN CHỮA CHÁY**

Hôm nay, vào lúc 14...giờ.00.phút, ngày 10....tháng 05..năm 2022.

Tại: Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật

Địa chỉ: 26C,D,E Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4.

**I. THÀNH PHẦN:**

**1. Đại diện Công an Quận 4:**

- Ông/Bà : .....
- Ông/Bà: Trần Quốc Cường .....

**2. Đại diện cơ sở:**

- Ông/Bà: Lê Thị Thu Thảo - chức vụ : Chủ cơ sở.

Chúng tôi tiến hành giám sát công tác thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật theo kế hoạch số : /KH-PCCC lập....ngày... tháng năm 2022 của cơ sở.

**II. TÌNH HUỐNG GIẢ ĐỊNH:**

1. Thời gian : Vào lúc 14....Ngày 10..tháng 05...năm 2022.
2. Vị trí giả định: Khu vực sản xuất.
3. Cứu nạn – cứu hộ : Tìm kiếm người bị nạn và đưa ra nơi tập kết an toàn để sơ cấp cứu ban đầu.
4. Quy mô tình huống: Tự thực tập cùng toàn thể CBCNV

**III. LỰC LƯỢNG VÀ PHƯƠNG TIỆN THAM GIA CỦA LỰC LƯỢNG TẠI CHỖ:**

1. Lực lượng : 05 người tham gia chữa cháy và cứu nạn cứu hộ và toàn thể CBCNV.
2. Phương tiện : Bình chữa cháy xách tay các loại...
3. Tổ chức điều hành và chỉ huy chữa cháy :
  - Tổ chức điều hành tốt đạt yêu cầu đề ra.
  - Chỉ huy đạt yêu cầu.

4. Tổ thông tin liên lạc:

- Thông tin đúng thời gian qui định.

5. Tổ chữa cháy:

- Sử dụng bình chữa cháy xách tay các loại phun vào khu vực cháy.

6. Tổ bảo vệ:

- Chốt chặn cửa ra vào và bảo vệ tài sản.

Chứng thực bản sao

đúng với bản chính.

01543

01/2023

Số chứng thực..... Quyển số..... SCT/BS

Ngày..... tháng..... năm.....

23-02-2023

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 13 QUẬN 4

IV. NHẬN XÉT:

1. Nhận xét của cơ sở:

1.1 Ưu điểm:

- Nhìn chung thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.
- Tất cả nhân viên đồng loạt tham gia, đội PCCC cơ sở thực hiện tốt.

1.2 Những điểm cần rút kinh nghiệm:

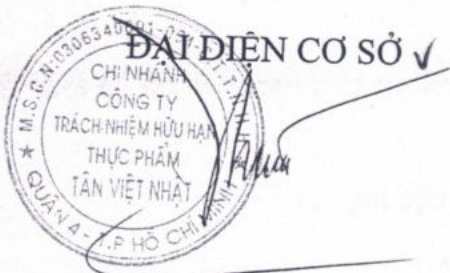
- Triển khai lực lượng còn chậm.

2. Nhận xét đánh giá của lực lượng Công an Quận 4:

- Thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.
- Tiếp tục tăng cường huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho lực lượng chữa cháy tại chỗ.
- Bảo quản tốt các trang thiết bị PCCC hiện có.
- Thường xuyên tổ chức tự thực tập phương án PCCC và cứu nạn cứu hộ để nâng cao ý thức PCCC đối với cán bộ công nhân viên tại cửa hàng.

Lê Quốc Cường

Biên bản lập xong lúc... 16 giờ... phút cùng ngày, gồm 02 trang được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe và cùng thống nhất ký tên dưới đây.



Lê Thị Thu Thảo

ĐẠI DIỆN ĐỘI PCCC&CNCH

Trần Quốc Cường

Số: ...../KH - TTPA

Quận 4, ngày 10 tháng 05 năm 2022

## KẾ HOẠCH TỔ CHỨC TỰ THỰC TẬP PHƯƠNG ÁN CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ

Căn cứ Luật PCCC sửa đổi số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013 của Quốc hội có hiệu lực ngày 01/7/2014;

Căn cứ Nghị định 136/2020/NĐ- CP ngày 24/11/2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một, số điều của Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC; Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tế công tác chữa cháy và cứu nạn cứu hộ. Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật xây dựng kế hoạch tổ chức thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ với nội dung cụ thể như sau:

### I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:

#### 1. Mục đích.

- Nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ PCCC của lực lượng PCCC cơ sở, nắm rõ đặc điểm tình hình của cơ sở, xác định các điểm cấp nước, thông thạo đường giao thông trong cơ sở và chủ động tổ chức chữa cháy có hiệu quả khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

- Nâng cao ý thức trong công tác PC&CC của toàn thể CBCNV trong việc tăng cường các biện pháp ngăn chặn khả năng gây cháy, biết sử dụng thành thạo các phương tiện, dụng cụ PCCC tại chỗ để dập tắt đám cháy khi mới vừa phát sinh. Mặt khác còn tác động đến trách nhiệm của cơ sở đối với công tác PCCC, từ đó có các biện pháp chỉ đạo tốt hơn. Thực hiện tốt phương châm 4 tại chỗ: Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, vật tư, hậu cần tại chỗ.

#### 2. Yêu cầu.

- Tổ chức thực hiện theo đúng tình huống đã được đề ra trong phương án.  
- Đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người và phương tiện trong suốt quá trình thực tập.  
- Chấp hành một cách triệt để, chính xác mệnh lệnh của Ban Chỉ huy chữa cháy và cứu nạn - cứu hộ.

- Phối hợp chiến đấu đồng bộ giữa các tổ chữa cháy của lực lượng cơ sở tạo thành sức mạnh tổng hợp, để cuộc thực tập phương án chữa cháy tại Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật đạt kết quả cao nhất.

### II/ NỘI DUNG

#### 1. Đặc điểm giao thông:

##### 1.1 Giao thông bên trong:



- Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật tọa lạc tại địa chỉ số 26C,D,E Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4. Cửa hàng có mặt chính hướng ra đường Lê Quốc Hưng. Các lối đi lại rộng rãi thuận tiện cho việc ra vào.

- Với đặc điểm giao thông như trên nếu xảy ra sự cố cháy, nổ bên trong cơ sở khả năng di chuyển của CBCNV trong cơ sở là dễ dàng và thuận lợi.

### **1.2. Giao thông bên ngoài**

- Tuyến đường chính từ Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật đến Đội Cảnh sát PCCC&CNCH Công an Quận 4 theo tuyến: Đường Lê Quốc Hưng - Đường Hoàng Diệu - Đường Khánh Hội - Đường Tôn Thất Thuyết.

- Tuyến đường phụ từ Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật đến Đội Cảnh sát PCCC&CNCH Công an Quận 4 theo tuyến: Đường Lê Quốc Hưng - Đường Bến Vân Đồn - Đường Khánh Hội - Đường Tôn Thất Thuyết.

\* *Lưu ý* : Ngã 3 đường Tôn Thất Thuyết và đường Khánh Hội, thường xảy ra tình trạng kẹt xe từ 6 – 9 giờ sáng và chiều từ 16 – 18 giờ.

### **3. Đặc điểm nguồn nước:**

- Bên ngoài :

+ Trụ nước Lê Quốc Hưng cách 50 m.

## **III. GIẢ ĐỊNH TÌNH HUỐNG CHÁY XẢY RA VÀ KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN TẠI CHỖ:**

### **1. Giả định tình huống cháy:**

#### **1. Vị trí phát sinh cháy:**

- Xảy ra cháy tại khu vực sản xuất.

#### **2. Nguyên nhân dẫn đến cháy:**

- Do chập điện gây cháy.

#### **3. Thời gian xảy ra cháy:**

- Vào lúc giờ ngày X tháng Y năm Z.

#### **3. Khả năng phát triển của đám cháy:**

- Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật hoạt động chủ yếu là khu vực sản xuất. Chất cháy chủ yếu: hồ sơ, bàn ghế.... nên khi cháy sinh ra nhiều khói, khí độc gây khó khăn đến việc cứu chữa làm cho đám cháy phát triển nhanh và mạnh, có khả năng cháy lan các khu vực lân cận.

## **IV. LỰC LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY TẠI CHỖ:**

### **1. Lực lượng.**

- Đội PCCC cơ sở có 5 người, ngoài giờ làm việc có 01 bảo vệ.

- Phương tiện:



- Bình chữa cháy bột loại xách tay: 02 bình
- Bình chữa cháy CO<sub>2</sub> : 02 bình
- Tất cả đều để ở nơi dễ thấy và dễ lấy.

## V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ:

### 1. Thành lập Ban Chỉ huy chữa cháy.

#### \* Thành phần:

- Ông/bà : Lê Thị Thu Thảo ..... - Trưởng ban
- Ông/Bà : ..... - Phó ban
- Tổ trưởng các tổ ..... - Thành viên

#### \* Nhiệm vụ Ban Chỉ huy chữa cháy:

- + Trực tiếp chỉ huy các tổ tham gia chữa cháy phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ.
- + Đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người và phương tiện tham gia chữa cháy.
- + Quyết định kỹ chiến thuật chữa cháy.
- + Quyết định hướng tấn công chính.
- + Tổ chức đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm sau chữa cháy và thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

#### \* Vị trí: Tại Công ty.

### 2. Nhiệm vụ cụ thể của CBCNV.

#### 2.1. Tổ thông tin liên lạc: 01 người

##### - Nhiệm vụ:

- + Khi có cháy xảy ra nhanh chóng xác định vị trí cháy, báo động toàn bộ CBCNV và mọi người xung quanh biết khu vực xảy ra cháy để cùng tham gia chữa cháy và cứu nạn - cứu hộ.

- + Cắt điện khu vực xảy ra cháy.

+ Báo cáo cho lãnh đạo cơ sở hoặc người có trách nhiệm cao nhất biết vị trí và tình hình diễn biến đám cháy.

- + Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu.

#### 2.2. Tổ chữa cháy: 01 người.

##### - Nhiệm vụ:

- + Nhanh chóng mang các bình chữa cháy và triển khai hòng nước vách tường đã được trang bị phun vào khu vực cháy để dập lửa, ngăn không cho cháy lan ra các khu vực khác.

#### 2.3. Tổ cứu người: 01 người

- Nhiệm vụ: Sử dụng khí tài, mặt nạ phòng độc, khẩu trang và các phương tiện PCCC&CNCH được trang bị cứu người trong đám cháy.

#### 2.4. Tổ đi chuyển tài sản và hướng dẫn thoát nạn: 01 người

- Nhiệm vụ: Di chuyển tài sản ngăn chặn cháy lan và hướng dẫn những người bị nạn tự thoát khỏi đám cháy.

#### 2.5. Tổ bảo vệ: 01 người

- Nhiệm vụ:

+ Chốt chặn các khu vực ra vào không cho người không có trách nhiệm vào khu vực cháy.

+ Hướng dẫn các lực lượng tham gia phối hợp chữa cháy.

### VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

#### 1. Thời gian thực tập:

##### 1.1. Thời gian triển khai:

Vào lúc 14. ngày 10. tháng 05. năm 2022.

##### 1.2. Thời gian tổ chức thực tập:

Vào lúc 16. ngày 10. tháng 05 năm 2022.

##### 1.3. Rút kinh nghiệm thực tập:

Sau khi thực tập xong sẽ tổ chức rút kinh nghiệm tại cơ sở.

Nơi nhận:

- Đội CS PCCC&CNCH CAQ4;
- Lưu Vt

**Chứng thực bản sao**

**đúng với bản chính**

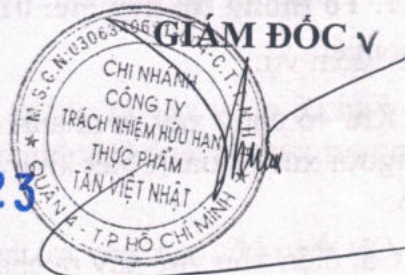
Số chứng thực: **01545** Quyển số: **01** Ngày: **23-02-2023**

Ngày: **23-02-2023**

**CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 13 QUẬN 4**



**Võ Quốc Cường**



**Lê Thị Thu Thảo**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**BẢN SAO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**  
CERTIFICATE  
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

**BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Food Safety Management Authority of Ho Chi Minh City

**CHỨNG NHẬN/CERTIFICATION**

Cơ sở/ Establishment: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT**

Mã số/ Approval number: 0306340691-004

Địa chỉ/ Address: 26C-26D-26E Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4,  
Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại/ Tel:

Fax:

**Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:**

*Has been found to be in compliance with food safety regulations  
for following products:*

**Sơ chế: thịt, thủy sản; chế biến: Mì udon, nước chấm, nước sốt.**

Số cấp/ Number: 1540 / 2021 / BQLATTP-HCM

Có hiệu lực đến ngày 13... tháng 04... năm 2024

Valid until (date/month/year)

**CHỨNG THỰC BẢN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH** Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13... tháng 04... năm 2024...

Số chứng thực 005061 Quyền số: 02-SCT/BS Ho Chi Minh City, day/month/year

Ngày 21-02-2023

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BÊN NGHỀ**



**Phạm Khánh Phong Lan**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



# GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

SỐ:



\*2021800726\*

## TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN KHU VỰC II (CISR)

www.kiemdinh.vn - Tel: (028) 39493147 - Số ĐKCN: 01/GCN-KĐ

### I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

Tên tổ chức, cá nhân sử dụng: CHI NHÁNH - CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Số 26C-26D-26E, Đường Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TPHCM

### II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng kiểm định: HỆ THỐNG LẠNH

Mã hiệu: S6F - 302Y - 40P

Số chế tạo: 1686206574

Nhà sản xuất/nước sản xuất: BITZER - E.C

Năm chế tạo: 2014

Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- |  |                     |
|--|---------------------|
| - Năng suất lạnh:                        | 25000 Kcal/h        |
| - Môi chất lạnh:                         | R134a               |
| - Áp suất làm việc lớn nhất phía cao áp: | 18 bar              |
| - Áp suất làm việc lớn nhất phía hạ áp:  | 12 bar              |
| - Công dụng:                             | Đông lạnh thực phẩm |

Địa điểm lắp đặt: Số 26C-26D-26E, Đường Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TPHCM

Đã được kiểm định định kỳ đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số G84663/KĐ2 ngày 14-03-2022 (\*)

Tem kiểm định số: G84663

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: 14-03-2024

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2022



(\*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.  
Serial: 01-2101099199

TPHCM, ngày 14 tháng 03 năm 2022

**BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN  
HỆ THỐNG LẠNH**

Số: G84663/KĐ2

(Theo bản ghi chép hiện trường số: G84663/KĐ2)

Chúng tôi gồm:

1. Lâm Quang Vinh

Số hiệu kiểm định viên: 612/KĐV-LĐT BXH

Thuộc Trung tâm Kiểm định Kỹ thuật An toàn Khu vực II - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

Số đăng ký chứng nhận của tổ chức kiểm định: 01/GCN-KĐ

Đã tiến hành kiểm định: **HỆ THỐNG LẠNH**Của (ghi rõ tên cơ sở): **CHI NHÁNH - CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ (trụ sở chính của cơ sở): Số 26C-26D-26E, Đường Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TPHCM

Địa chỉ (vị trí) lắp đặt: Số 26C-26D-26E, Đường Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TPHCM

Quy trình kiểm định áp dụng: QTKĐ:08-2016/BLĐT BXH

Chúng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

1. .... Chức vụ: .....

2. .... Chức vụ: .....

**I - THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG**

|  |                     |  |
|--|---------------------|--|
| - Mã hiệu:                                   | S6F - 302Y - 40P    |  |
| - Số chế tạo:                                | 1686206574          |  |
| - Năm chế tạo:                               | 2014                |  |
| - Nhà chế tạo:                               | BITZER              |  |
| - Nước chế tạo:                              | E.C                 |  |
| - Năng suất lạnh:                            | 25000               | Kcal/h   |
| - Môi chất lạnh:                             | R134a               |  |
| - Áp suất thiết kế phía cao áp:              | 25                  | bar  |
| - Áp suất làm việc lớn nhất phía cao áp:     | 18                  | bar  |
| - Áp suất thiết kế phía hạ áp:               | 18                  | bar  |
| - Áp suất làm việc lớn nhất phía hạ áp:      | 12                  | bar  |
| - Áp suất thiết kế phía trung gian:          | /                   | bar  |
| - Áp suất làm việc lớn nhất phía trung gian: | /                   | bar  |
| - Công dụng:                                 | Đông lạnh thực phẩm |  |
| - Ngày kiểm định lần trước:                  | 16/03/2020          | Do: Trung tâm kiểm định KTAT Khu Vực 2 thực hiện |

**II - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH:** Định kỳ**III - NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH****1. Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật:**

- Nhận xét: Hồ sơ đầy đủ theo quy định

- Đánh giá kết quả:

Đạt ;Không đạt **2. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong:**

| TT | Tên hạng mục | Đạt | Không | Không | TT | Tên hạng mục | Đạt | Không | Không |
|----|--------------|-----|-------|-------|----|--------------|-----|-------|-------|
|    |              |     |       |       |    |              |     |       |       |

|    |                                  |                                     | đạt                      | đánh giá                            |    |   | đạt                                 | đánh giá                 |                          |
|----|----------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|----|---|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1  | Vị trí lắp đặt, khoảng cách      | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            | 13 | Bình tách lỏng  | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2  | Chiều sáng vận hành              | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            | 14 | Thiết bị tiết lưu   | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3  | Thông gió                        | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            | 15 | Tình trạng kim loại các bộ phận, chi tiết chịu áp lực         | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4  | Sàn, cầu thang thao tác          | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            | 16 | Tình trạng mối hàn, mối nối các bộ phận, chi tiết chịu áp lực | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5  | Tiếp địa an toàn, nối trung tính | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            | 17 | Đường ống dẫn môi chất  | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 6  | Máy nén                          | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            | 18 | Các loại van và phụ tùng đường ống                            | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 7  | Bình tách dầu                    | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            | 19 | Bảo ôn cách nhiệt   | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 8  | Thiết bị ngưng tụ                | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            | 20 | Các thiết bị phụ trợ  | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 9  | Bình chứa cao áp                 | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            | 21 | Hệ thống, thiết bị, phương tiện phòng chống cháy nổ           | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 10 | Bình trung gian                  | <input type="checkbox"/>            | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | 22 | Van an toàn   | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 11 | Bình chứa hạ áp                  | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            | 23 | Áp kế   | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 12 | Thiết bị bay hơi                 | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            | 24 | Các thiết bị đo lường, bảo vệ, an toàn và tự động khác        | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả:

Đạt ;

Không đạt

### 3. Thử nghiệm:

| Tên phép thử | Bộ phận    | Môi chất thử | Áp suất thử (bar) | Thời gian thử | Không thực hiện                     |
|--------------|------------|--------------|-------------------|---------------|-------------------------------------|
| Thử bền      | Cao áp     |              |                   | phút          | <input checked="" type="checkbox"/> |
|              | Hạ áp      |              |                   | phút          | <input checked="" type="checkbox"/> |
|              | Trung gian |              |                   | phút          | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Thử kín      | Cao áp     | Khí nitơ     | 18                | 24 giờ        | <input type="checkbox"/>            |
|              | Hạ áp      | Khí nitơ     | 12                | 24 giờ        | <input type="checkbox"/>            |
|              | Trung gian | /            | /                 | / giờ         | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Thử vận hành | Hệ thống   | R134a        | 18/14/12 bar      | 30 phút       | <input type="checkbox"/>            |

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ; Không đạt

### IV - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Hệ thống được kiểm định có kết quả: Đạt ; Không đạt

2. Đã được dán tem kiểm định số: G84663 ; Tại vị trí: Trên khung máy

3. Áp suất làm việc lớn nhất: Cao áp: 18 bar . Hạ áp: 12 bar . Trung gian: / bar

4. Áp suất của cơ cấu an toàn:

| Vị trí | Áp suất mở | Áp suất đóng |
|--------|------------|--------------|
|        |            |              |

|                             |          |         |
|-----------------------------|----------|---------|
| Van an toàn phía cao áp     | 19,5 bar | 19 bar  |
| Van an toàn phía hạ áp      | 13 bar   | 12 bar  |
| Van an toàn phía trung gian | /        | /       |
| Role cao áp                 | 17 bar   | 15 bar  |
| Role hạ áp                  | 4,0 bar  | 5,0 bar |

5. Các kiến nghị:

Thời gian thực hiện kiến nghị:

**V - THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH**

Thời hạn kiểm định: ngày 14 tháng 03 năm 2024

Lý do rút ngắn thời hạn: Theo yêu cầu của đơn vị

Biên bản đã được thông qua ngày 14 tháng 03 năm 2022. Tại: VP Công ty

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Chúng tôi, những kiểm định viên thực hiện kiểm định hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với kết quả kiểm định ghi trong biên bản này./.

**ĐƠN VỊ SỬ DỤNG**

Cam kết thực hiện đầy đủ, đúng hạn các kiến nghị  
(Ký tên và đóng dấu)



Ngô Thanh Hậu

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**

(Ký, ghi rõ họ và tên)





**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KTAT KHU VỰC II**

TPHCM, ngày 14 tháng 03 năm 2022

**BẢN GHI CHÉP TẠI HIỆN TRƯỜNG**  
**KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN HỆ THỐNG LẠNH**  
**Số: G84663/KĐ2**

**1. Thông tin chung:**Tên hệ thống: **HỆ THỐNG LẠNH**Tên tổ chức, cá nhân đề nghị: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT**Của (ghi rõ tên cơ sở): **CHI NHÁNH - CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT**Địa chỉ (trụ sở chính của cơ sở): **Số 26C-26D-26E, Đường Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TPHCM**Địa chỉ (vị trí) lắp đặt: **Số 26C-26D-26E, Đường Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TPHCM**Quy trình kiểm định áp dụng: **QTKĐ:08-2016/BLĐTBXH**

Chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

1. .... Chức vụ: .....
2. .... Chức vụ: .....

**2. Thông số kỹ thuật:**

- Mã hiệu: S6F - 302Y - 40P
- Số chế tạo: 1686206574
- Năm chế tạo: 2014
- Nhà chế tạo: BITZER
- Nước chế tạo: E.C
- Năng suất lạnh: 25000 Kcal/h
- Môi chất lạnh: R134a
- Áp suất thiết kế phía cao áp: 25 bar
- Áp suất làm việc lớn nhất phía cao áp: 18 bar
- Áp suất thiết kế phía hạ áp: 18 bar
- Áp suất làm việc lớn nhất phía hạ áp: 12 bar
- Áp suất thiết kế phía trung gian: / bar
- Áp suất làm việc lớn nhất phía trung gian: / bar
- Công dụng: Đông lạnh thực phẩm
- Ngày kiểm định lần trước: 16/03/2020 Do: Trung tâm kiểm định KTAT Khu Vực 2 thực hiện

**3. Hình thức kiểm định: Định kỳ****4. Các phương tiện, thiết bị sử dụng trong quá trình kiểm tra:**

| TT | Tên gọi – Mã hiệu  | Thang đo max | Số nhận dạng | Số GCN KĐ/HC   | Hạn KĐ/HC  |
|----|--------------------|--------------|--------------|----------------|------------|
| 1  | Búa kiểm tra       | 0,3 kg       | /            | /              | /          |
| 2  | Kính lúp           | /            | /            | /              | /          |
| 3  | Máy siêu âm bề dày | (0-100) mm   | TSG-C-TS-52  | /              | /          |
| 4  | Mẫu chuẩn 8 bậc    | 8 mm         | TSG-C-DC-52  | KT3-0818ADD1/2 | 02/07/2022 |
| 5  | Áp kế              | 16 bar       | TSG-C-DC-411 | 18016.2021/KĐ2 | 04/2022    |
| 6  | Áp kế              | 25 bar       | TSG-C-DC-413 | 18018.2021/KĐ2 | 4/2022     |
| 7  | Chai khí Nitơ      | 150 bar      | /            | /              | 4/2023     |

**5. Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật:**

| TT | Tên hồ sơ  | Đạt                                 | Không đạt                | Không đánh giá           | TT | Tên hồ sơ  | Đạt                                 | Không đạt                | Không đánh giá                      |
|----|--|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|----|--|-------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|
| 1  | Lý lịch của hệ thống lạnh  | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 9  | Biên bản kiểm tra tiếp địa, chống sét  | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |
| 2  | Bản vẽ sơ đồ nguyên lý làm việc của hệ thống                     | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 10 | Biên bản kiểm tra thiết bị bảo vệ  | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |
| 3  | Bản vẽ cấu tạo các bộ phận chịu áp lực của hệ thống              | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 11 | Giấy chứng nhận hợp quy  | <input type="checkbox"/>            | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 4  | Các chứng chỉ kiểm tra chất lượng vật liệu chế tạo, vật liệu hàn | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 12 | Biên bản kiểm định lần trước   | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |
| 5  | Các biên bản kiểm tra mỗi hàn                                    | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 13 | Giấy chứng nhận kiểm định lần trước  | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |
| 6  | Thiết kế lắp đặt   | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 14 | Nhật ký vận hành   | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |
| 7  | Biên bản nghiệm thu lắp đặt                                      | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 15 | Sổ theo dõi sửa chữa, bảo dưỡng; biên bản thanh tra, kiểm tra                | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |
| 8  | Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị đo lường                      | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 16 | Hồ sơ thiết kế, sửa chữa, lắp đặt, biên bản về chất lượng sửa chữa, thay đổi | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |

Mô tả các điểm không đạt:

**6. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong:****6.1. Vị trí lắp đặt hệ thống:**

| TT | Tên hạng mục                | Đạt                                 | Không đạt                | Không đánh giá           | TT | Tên hạng mục                     | Đạt                                 | Không đạt                | Không đánh giá           |
|----|-----------------------------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|----|----------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1  | Khoảng cách đi lại vận hành | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 3  | Chiều sáng, thông gió            | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2  | Cầu thang, sàn thao tác     | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 4  | Tiếp địa an toàn, nối trung tính | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Mô tả các điểm không đạt:

**6.2. Máy nén:**

| TT | Mã hiệu | Số chế tạo | Năm chế tạo | Loại máy nén | Áp suất đầu đẩy lớn nhất (bar) | Áp suất đầu hút lớn nhất (bar) |
|----|---------|------------|-------------|--------------|--------------------------------|--------------------------------|
| 1  | BITZER  | 520339     | 2014        | Trục vít     | 25                             | 18                             |

**6.3. Các bộ phận chịu áp lực:**

| TT | Tên bộ phận       | Năm chế tạo/lắp đặt | Hình dạng, kích thước cơ bản và dung tích | Mô tả hiện tượng móp méo, phồng, rỉ, rỉ sét, rạn nứt, cặn bẩn... |
|----|-------------------|---------------------|---|--|
| 1  | Thiết bị ngưng tụ | 2014                | Dạng zíc zắc giải nhiệt gió               | Không có   |

|   |  |      |                                    |          |
|---|--|------|------------------------------------|----------|
| 3 | Bình chứa cao áp                             | 2014 | Thân trụ - 2 nắp phẳng – nằm ngang | Không có |
| 4 | Bình tách lỏng                               | 2014 | Thân trụ - 2 nắp phẳng – đứng      | Không có |
| 5 | Thiết bị tiết lưu                            | /    | Dạng kiểu nhiệt                    | Không có |
| 6 | Đường ống dẫn, các van và phụ tùng đường ống | /    | Ống đồng                           | Không có |

#### 6.4. Các thiết bị đo lường, an toàn và bảo vệ:

| TT | Tên thiết bị  | Ghi nhận kết quả    |         |                  |
|----|---------------|---------------------|---------|------------------|
|    |               | Kiểu loại           | Kích cỡ | Số lượng         |
| 1  | Van an toàn   |                     |         |                  |
|    | Cao áp        | Van lò xo           | Ø21     | 01               |
|    | Hạ áp         | Van lò xo           | Ø21     | 01               |
|    | Trung gian    | /                   | /       | /                |
| 2  | Áp kế         | Thang đo            | Cấp CX  | Số tem kiểm định |
|    | Cao áp        | (0-25) bar          | 2,5     | F45014           |
|    | Hạ áp         | (0-15) bar          | 2,5     | F45015           |
|    | Trung gian    | /                   | /       | /                |
| 3  | Đo mức        | Kiểu loại: Ống thủy |         | Số lượng: 01     |
| 4  | Rơ le áp suất | Áp suất mở          |         | Áp suất đóng     |
|    | Cao áp        | 17 bar              |         | 15 bar           |
|    | Hạ áp         | 4,0 bar             |         | 5,0 bar          |

Mô tả các điểm không đạt:

#### 7. Thử nghiệm:

7.1. Thử bền: - Không thực hiện  ; - Chấp nhận kết quả của đơn vị khác : Biên bản thử nghiệm số , ngày đính kèm ; - Có thực hiện

Môi chất thử: Thời gian duy trì áp suất thử: phút

| Bộ phận    | Áp suất thử |         | Mô tả các vết nứt, biến dạng, rò rỉ mối nối, suy giảm áp suất phát hiện được |
|------------|-------------|---------|--|
|            | Tính toán   | Thực tế |  |
| Cao áp     |             |         |  |
| Hạ áp      |             |         |  |
| Trung gian |             |         |  |

7.2. Thử kín: - Không thực hiện  ; - Chấp nhận kết quả của đơn vị khác ; Biên bản thử nghiệm số , ngày đính kèm ; Có thực hiện

Môi chất thử: Khí nito Thời gian duy trì áp suất thử: 24 giờ

| Bộ phận    | Áp suất thử |         | Mô tả các rò rỉ phát hiện được |
|------------|-------------|---------|--------------------------------|
|            | Tính toán   | Thực tế |                                |
| Cao áp     | 18 bar      | 18 bar  | Không có                       |
| Hạ áp      | 12 bar      | 12 bar  | Không có                       |
| Trung gian | /           | /       | /                              |

#### 7.3. Thử vận hành:

| TT | Tên hạng mục  | Đạt                                 | Không đạt                | TT | Tên hạng mục                             | Đạt                                 | Không đạt                |
|----|---|-------------------------------------|--------------------------|----|--|-------------------------------------|--------------------------|
| 1  | Tình trạng làm việc của các thiết bị trong hệ thống | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 3  | Tình trạng làm việc của thiết bị phụ trợ | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2  | Tình trạng làm việc của thiết bị đo lường           | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 4  |  | <input type="checkbox"/>            | <input type="checkbox"/> |


Mô tả các điểm không đạt:

**8. Áp suất của van an toàn:** Cân chỉnh  ; Không cân chỉnh  (ghi rõ Số GCN, ngày cấp trong bảng)

| Vị trí lắp đặt         | Áp suất mở | Áp suất đóng | Số GCN, ngày cấp |
|------------------------|------------|--------------|------------------|
| Bình cao áp            | 19,5 bar   | 19 bar       | 46/VAT/TSG-KĐ2   |
| Trên đường ống thấp áp | 13 bar     | 12 bar       | 47/VAT/TSG-KĐ2   |
|                        |            |              | /                |

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

  
Dương Thanh Vương

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

  
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KTTAT KHU VỰC II  
KIỂM ĐỊNH VIÊN  
Lâm Quang Vinh  
T02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



# GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

SỐ: 44217.2021/KĐ2



\*2021815707\*

## TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN KHU VỰC II (CISR)

www.kiemdinh.vn - Tel: (028) 39493147 - Số ĐKCN: 03-17/GCNĐDK-BCT

### I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

Tên tổ chức, cá nhân sử dụng: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Số 120bis, Đường Trần Hưng Đạo, P.Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TPHCM

### II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng kiểm định: HT ĐƯỜNG ỐNG DẪN GAS LPG

Mã hiệu: ỐNG DẪN GAS LPG

Số chế tạo: LQH - 01

Nhà sản xuất/nước sản xuất: Petrolimex - Việt Nam

Năm chế tạo: 2012

Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- Chiều dài ống có ĐK  $\leq$  150 mm: 2,0 m
- Đường kính ống: Ø6; Ø17
- Áp suất thiết kế: 18 bar
- Áp suất làm việc cho phép: 17,6/1,4 bar
- Môi chất làm việc: Gas LPG
- Công dụng: Dẫn Gas LPG PV bếp

Địa điểm lắp đặt: Số 26C-26D-26E, Đường Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TPHCM

Đã được kiểm định định kỳ đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số G62897/KĐ2 ngày 05-09-2021 (\*)

Tem kiểm định số: G62897

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: 05-09-2023

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2021



Thái Đôn Cơ



(\*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.

TPHCM, ngày 05 tháng 09 năm 2021

**BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN  
HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ ĐÓT SỬ DỤNG TRONG CÔNG NGHIỆP**

Số: G62897/KĐ2

(Theo bản ghi chép hiện trường số: G62897/KĐ2)

Chúng tôi gồm:

1. Lâm Quang Vinh

Số hiệu kiểm định viên: 35-17/BCT-KĐV

Thuộc Trung tâm Kiểm định Kỹ thuật An toàn Khu vực II - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

Số đăng ký chứng nhận của tổ chức kiểm định: 03-17/GCNĐĐK-BCT

Đã tiến hành kiểm định: **HT ĐƯỜNG ỐNG DẪN GAS LPG**

Của (ghi rõ tên cơ sở): **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ (trụ sở chính của cơ sở): Số 120bis, Đường Trần Hưng Đạo, P.Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TPHCM

Địa chỉ (vị trí) lắp đặt: Số 26C-26D-26E, Đường Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TPHCM

Quy trình kiểm định áp dụng: QT20

Chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

1. Nguyễn Thanh Duy

Chức vụ: Phụ trách bảo trì

2. ....

Chức vụ: .....

**I - THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG:**

- Mã hiệu, ký hiệu: ỐNG DẪN GAS LPG

- Số chế tạo: LQH - 01

- Năm chế tạo (lắp đặt): 2012

- Nhà chế tạo (lắp đặt): Petrolimex

- Nước chế tạo (lắp đặt): Việt Nam

- Chiều dài ống có ĐK ≤ 150 mm: 2,0 m

- Đường kính ống: (Ø6, Ø17)

- Áp suất thiết kế: 18 bar

- Áp suất làm việc cho phép: 8,0/1,4 bar

- Môi chất làm việc: Gas LPG

- Công dụng: Dẫn Gas LPG PV bếp

- Ngày kiểm định lần trước: 08/2019 Do: Trung Tâm Kiểm định KTAT Khu Vực II thực hiện

**II - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH: Định kỳ**

**III - NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH**

**1. Kiểm tra hồ sơ:**

- Nhận xét: Hồ sơ đầy đủ theo quy định

- Đánh giá kết quả: Đạt ; Không đạt ; Lý do không đạt:

**2. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong: Đạt ; Không đạt**

| TT | Tên hạng mục                | Đạt                                 | Không đạt                | Không đánh giá           | TT | Tên hạng mục                | Đạt                                 | Không đạt                | Không đánh giá           |
|----|-----------------------------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|----|-----------------------------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1  | Vị trí lắp đặt, khoảng cách | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 7  | Tình trạng mối hàn, mối nối | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

|   |                              |                                     |                          |                          |    |  |                                     |                          |                                     |
|---|------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|----|--|-------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|
| 2 | Chiếu sáng vận hành          | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 8  | Van, phụ tùng đường ống                            | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |
| 3 | Sàn, cầu thang               | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 9  | Van an toàn  | <input type="checkbox"/>            | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 4 | Hệ thống chống sét, tiếp đất | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 10 | Áp kế  | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |
| 5 | Dây, giá treo đỡ             | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 11 | Thiết bị đo lường, bảo vệ, an toàn và tự động khác | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |
| 6 | Tình trạng kim loại ống      | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 12 |  | <input type="checkbox"/>            | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ; Không đạt , Lý do không đạt:

### 3. Thử nghiệm:

| Tên phép thử | Môi chất thử | Áp suất thử  | Thời gian thử | Không thực hiện                     |
|--------------|--------------|--------------|---------------|-------------------------------------|
| Thử bền      |              |              |               | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Thử kín      | Khí nitơ     | 19,5/1,6 bar | 30 phút       | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Thử vận hành | Gas LPG      | 8,0/1,4 bar  | 30 phút       | <input type="checkbox"/>            |

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt ; Không đạt

### IV - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Hệ thống được kiểm định có kết quả: Đạt ; Không đạt
- Đã được dán tem kiểm định số: G62897; Tại vị trí: Trên ống góp
- Áp suất làm việc cho phép: 17,6/1,4 bar
- Áp suất mở của van an toàn: Hệ thống không cần lắp van an toàn do áp suất thiết kế của hệ thống lớn hơn áp suất tối đa của nguồn cấp từ chai gas là 17 bar
- Các kiến nghị:

Thời hạn thực hiện kiến nghị:

### V - THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH

Thời hạn kiểm định: ngày 5 tháng 9 năm 2023

Lý do rút ngắn thời hạn: Theo yêu cầu của đơn vị

Biên bản đã được thông qua ngày 5 tháng 10 năm 2021. Tại: VP Công ty

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Chúng tôi, những kiểm định viên thực hiện kiểm định hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với kết quả kiểm định ghi trong biên bản này./.

**ĐƠN VỊ SỬ DỤNG**

Cam kết thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các kiến nghị  
(Ký tên, đóng dấu)



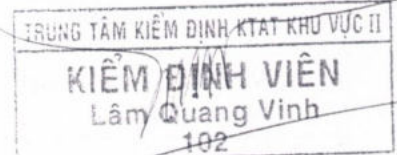
*Ngo Thanh Hiền*

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**

(Ký tên, đóng dấu)





**BẢN GHI CHÉP TẠI HIỆN TRƯỜNG  
KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN HỆ THỐNG  
ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ ĐÓT SỬ DỤNG TRONG CÔNG NGHIỆP  
Số: G62897/KĐ2**

**1. Thông tin chung:**

Tên thiết bị: HT ĐƯỜNG ỐNG DẪN GAS LPG

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Đơn vị sử dụng: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Địa chỉ (trụ sở chính): Số 120bis, Đường Trần Hưng Đạo, P.Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TPHCM

Địa chỉ (Vị trí) lắp đặt: Số 26C-26D-26E, Đường Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TPHCM

Chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

1. Nguyễn Thanh Duy Chức vụ: Phụ trách bảo trì  
2. .... Chức vụ: .....

**2. Thông số kỹ thuật:**

- Mã hiệu, ký hiệu: ỐNG DẪN GAS LPG  
- Số chế tạo: LQH - 01  
- Năm chế tạo (lắp đặt): 2012  
- Nhà chế tạo (lắp đặt): Petrolimex  
- Nước chế tạo (lắp đặt): Việt Nam  
- Chiều dài ống có ĐK ≤ 150 mm: 2,0 m  
- Đường kính ống: (Ø6, Ø17)  
- Áp suất thiết kế: 18 bar  
- Áp suất làm việc cho phép: 8,0/1,4 bar  
- Môi chất làm việc: Gas LPG  
- Công dụng: Dẫn Gas LPG PV bếp  
- Ngày kiểm định lần trước: 08/2019 Do: Trung Tâm Kiểm định KTAT Khu Vực II thực hiện

**3. Hình thức kiểm định: Định kỳ**

**4. Các phương tiện, thiết bị sử dụng:**

| TT | Tên gọi – Mã hiệu  | Thang đo max | Số nhận dạng | Số GCN KĐ/HC   | Hạn KĐ/HC |
|----|--------------------|--------------|--------------|----------------|-----------|
| 1  | Búa kiểm tra       | 0,3 kg       | /            | /              | /         |
| 2  | Kính lúp           | /            | /            | /              | /         |
| 3  | Máy siêu âm bề dày | (0-100) mm   | TSG-C-TS-11  | /              | /         |
| 4  | Mẫu chuẩn 8 bậc    | 8 mm         | TSG-C-DC-345 | KT3-0135ADD1   | 02/2022   |
| 6  | Áp kế mẫu          | 0,4 MPa      | TSG-C-DC-407 | 18012.2021/KĐ2 | 4/2022    |
| 7  | Áp kế mẫu          | 25 bar       | TSG-C-DC-413 | 18018.2021/KĐ2 | 4/2022    |
| 8  | Chai khí Nitơ      | 150 bar      | /            | /              | 9/2022    |

**5. Nội dung kiểm tra:**

**5.1. Hồ sơ kỹ thuật:**

| TT | Tên hồ sơ | Đạt | Không | Không | TT | Tên hồ sơ | Đạt | Không | Không |
|----|-----------|-----|-------|-------|----|-----------|-----|-------|-------|
|----|-----------|-----|-------|-------|----|-----------|-----|-------|-------|

|   |   |                                     | đạt                      | đánh giá                 |    |   | đạt                                 | đánh giá                 |                                     |
|---|---|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|----|---|-------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|
| 1 | Lý lịch đường ống   | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 8  | Biên bản kiểm tra thiết bị bảo vệ                                     | <input type="checkbox"/>            | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 2 | Bản vẽ sơ đồ hệ thống   | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 9  | Biên bản kiểm định lần trước  | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |
| 3 | Thiết kế lắp đặt  | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 10 | Giấy chứng nhận kiểm định lần trước                                   | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |
| 4 | Biên bản nghiệm thu   | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 11 | Nhật ký vận hành  | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |
| 5 | Các chứng chỉ kiểm tra chất lượng kim loại chế tạo, kim loại hàn, mối hàn | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 12 | Sổ theo dõi sửa chữa và bảo dưỡng; biên bản thanh tra, kiểm tra       | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |
| 6 | Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị đo lường                               | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 13 | Hồ sơ về sửa chữa; biên bản kiểm tra về chất lượng sửa chữa, thay đổi | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |
| 7 | Biên bản kiểm tra tiếp đất, chống sét                                     | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 14 |   | <input type="checkbox"/>            | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |

Mô tả các điểm không đạt:

### 5.2. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài bên trong:

| TT | Tên hạng mục                 | Đạt                                 | Không đạt                | Không đánh giá           | TT | Tên hạng mục                | Đạt                                 | Không đạt                | Không đánh giá           |
|----|------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|----|-----------------------------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1  | Vị trí lắp đặt, khoảng cách  | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 5  | Dây, giá treo đỡ            | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2  | Chiếu sáng vận hành          | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 6  | Tình trạng kim loại ống     | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3  | Sàn, cầu thang               | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 7  | Tình trạng mối hàn, mối nối | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4  | Hệ thống chống sét, tiếp đất | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 8  | Van, phụ tùng đường ống     | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Mô tả các điểm không đạt:

### 5.3. Các thiết bị đo lường, an toàn và bảo vệ:

| TT | Tên thiết bị      | Ghi nhận kết quả   |        |                  |               |
|----|-------------------|--|--------|------------------|---------------|
| 1  | Van an toàn       | Kiểu loại: Áp suất thiết kế của hệ thống lớn hơn áp suất tối đa của nguồn cấp từ chai LPG (1.7 MPa) - không cần van an toàn      Kích cỡ: /      Số lượng: / |        |                  |               |
| 2  | Áp kế             | Thang đo   | Cấp CX | Số tem kiểm định | Hạn kiểm định |
|    |                   | (0-2,0) MPa  | 2,5    | F22841           | 9/2022        |
|    |                   | (0-0,2) MPa  | 2,5    | E22842           | 9/2022        |
| 3  | Đo mức            | Kiểu loại:   |        | Số lượng:        |               |
| 4  | Các thiết bị khác |  |        |                  |               |

Mô tả các điểm không đạt:

### 6. Thử nghiệm:

6.1. Thử hàn: Không thực hiện ; Chấp nhận kết quả của đơn vị khác ; Bị hủy thử nghiệm

| Môi chất thử | Áp suất thử |         | Thời gian duy trì áp suất thử (phút) | Mô tả các vết nứt, biến dạng, rò rỉ mối nối, suy giảm áp suất phát hiện được |
|--------------|-------------|---------|--------------------------------------|--|
|              | Tính toán   | Thực tế |                                      |  |
|              |             |         |                                      |  |

6.2. Thử kín: - Không thực hiện  ; - Chấp nhận kết quả của đơn vị khác ; Biên bản thử nghiệm số , ngày , đính kèm ; Có thực hiện

| Môi chất thử | Áp suất thử    |                   | Thời gian duy trì áp suất thử (phút) | Mô tả các rò rỉ, suy giảm áp suất phát hiện được |
|--------------|----------------|-------------------|--------------------------------------|--|
|              | Tính toán      | Thực tế           |                                      |  |
| Khí Nito     | 19,36/1,54 bar | 19,5 bar/0,16 MPa | 30 phút                              | Không có   |

6.3. Thử vận hành: Áp suất thử: 0,8/0,14 MPa , Thời gian thử: 30 phút

| TT | Nội dung kiểm tra   | Phù hợp                             | Không phù hợp            | TT | Nội dung kiểm tra                        | Phù hợp                             | Không phù hợp            |
|----|---------------------|-------------------------------------|--------------------------|----|--|-------------------------------------|--------------------------|
| 1  | Tình trạng hệ thống | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 2  | Tình trạng làm việc của thiết bị đo kiểm | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Mô tả các điểm không phù hợp:

7. Áp suất của van an toàn: Cân chỉnh  ; Không cân chỉnh  (ghi rõ Số GCN, ngày cấp trong bảng)

| Vị trí lắp đặt | Áp suất mở | Áp suất đóng | Số GCN, ngày cấp   |
|----------------|------------|--------------|--|
|                |            |              | Hệ thống không cần lắp van an toàn do áp suất thiết kế của hệ thống lớn hơn áp suất tối đa của nguồn cấp từ chai LPG (1.7 MPa) |
|                |            |              |  |

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

  
Dương Thanh Uyên

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KTAT KHU VỰC II  
KIỂM ĐỊNH VIÊN  
Lâm Quang Vinh  
102



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -  
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-005

Địa chỉ (Address): 62 Lê Quốc Hùng, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN - Số TK: 1020102102 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 07 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TTH  
Số (No): 111927

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CN CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Mã số thuế (Tax code): 0306340691-004

Địa chỉ (Address): 26C-26D-26E LÊ QUỐC HÙNG P12 Q4 TPHCM

Mã khách hàng (Customer's Code): PE05000015442

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

| STT<br>(No.)   | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description)   | ĐVT<br>(Unit)                              | Số lượng<br>(Quantity) | Đơn giá<br>(Unit price) | Thành tiền<br>(Amount) |
|--|--|--|------------------------|-------------------------|------------------------|
| A  | B  | C  | I                      | 2                       | 3=Ix2                  |
| 1  | Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2022 từ ngày 17/06/2022 đến ngày 16/07/2022<br>(kèm theo bảng kê số 549545715 ngày 17 tháng 07 năm 2022) | kWh  | 4931                   | -                       | 15.628.319             |
| Cộng tiền hàng (Total amount):   |  |  |                        |                         | 15.628.319             |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%  |  | Tiền thuế GTGT (VAT amount):               |                        | 1.250.266               |                        |
| Tỷ giá (Exchanged rate):   |  | Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): |                        | 16.878.585              |                        |
| Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười sáu triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm tám mươi tám đồng. |  |  |                        |                         |                        |

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện Lực TPHCM  
TNHH - Công Ty Điện Lực Tân Thuận  
Ngày ký: 17/07/2022 18:31:08



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -  
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-005

Địa chỉ (Address): 62 Lê Quốc Hùng, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN - Số TK: 1020102102 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 07 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TTH  
Số (No): 111928

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Mã số thuế (Tax code): 0306340691-004

Địa chỉ (Address): 26C-26D-26E LÊ QUỐC HÙNG, PHƯỜNG 13, QUẬN 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã khách hàng (Customer's Code): PE05000015443

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

| STT<br>(No.)  | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description)   | ĐVT<br>(Unit)                              | Số lượng<br>(Quantity) | Đơn giá<br>(Unit price) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---|--|--|------------------------|-------------------------|------------------------|
| A   | B  | C  | I                      | 2                       | 3=Ix2                  |
| 1   | Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2022 từ ngày 17/06/2022 đến ngày 16/07/2022<br>(kèm theo bảng kê số 549545639 ngày 17 tháng 07 năm 2022) | kWh  | 12.821                 | -                       | 38.398.249             |
| Cộng tiền hàng (Total amount):  |  |  |                        |                         | 38.398.249             |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%   |  | Tiền thuế GTGT (VAT amount):               |                        | 3.071.860               |                        |
| Tỷ giá (Exchanged rate):  |  | Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): |                        | 41.470.109              |                        |
| Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn một trăm linh chín đồng. |  |  |                        |                         |                        |

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện Lực TPHCM  
TNHH - Công Ty Điện Lực Tân Thuận  
Ngày ký: 17/07/2022 18:30:20



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -  
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-005

Địa chỉ (Address): 62 Lê Quốc Hùng, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN - Số TK: 1020102102 - Tại NH:  
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 08 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TTH  
Số (No): 293289

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CN CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Mã số thuế (Tax code): 0306340691-004

Địa chỉ (Address): 26C-26D-26E LÊ QUỐC HUNG P12 Q4 TPHCM

Mã khách hàng (Customer's Code): PE05000015442

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

| STT<br>(No.)  | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description)   | ĐVT<br>(Unit)                              | Số lượng<br>(Quantity) | Đơn giá<br>(Unit price) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---|--|--|------------------------|-------------------------|------------------------|
| A   | B  | C  | I                      | 2                       | 3=Ix2                  |
| 1   | Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2022 từ ngày 17/07/2022 đến ngày 16/08/2022<br>(kèm theo bảng kê số 552681577 ngày 17 tháng 08 năm 2022) | kWh  | 5.535                  | -                       | 17.706.473             |
| Cộng tiền hàng (Total amount):  |  |  |                        |                         | 17.706.473             |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%   |  | Tiền thuế GTGT (VAT amount):               |                        |                         | 1.416.518              |
| Tỷ giá (Exchanged rate):  |  | Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): |                        |                         | 19.122.991             |
| Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười chín triệu một trăm hai mươi hai nghìn chín trăm chín mươi một đồng. |  |  |                        |                         |                        |

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện Lực TPHCM  
TNHH - Công Ty Điện Lực Tân Thuận  
Ngày ký: 17/08/2022 17:20:46



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -  
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-005

Địa chỉ (Address): 62 Lê Quốc Hùng, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN - Số TK: 1020102102 - Tại NH:  
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 08 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TTH  
Số (No): 293290

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Mã số thuế (Tax code): 0306340691-004

Địa chỉ (Address): 26C-26D-26E LÊ QUỐC HUNG, PHƯỜNG 13, QUẬN 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã khách hàng (Customer's Code): PE05000015443

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

| STT<br>(No.)  | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description)   | ĐVT<br>(Unit)                              | Số lượng<br>(Quantity) | Đơn giá<br>(Unit price) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---|--|--|------------------------|-------------------------|------------------------|
| A   | B  | C  | I                      | 2                       | 3=Ix2                  |
| 1   | Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2022 từ ngày 17/07/2022 đến ngày 16/08/2022<br>(kèm theo bảng kê số 552681533 ngày 17 tháng 08 năm 2022) | kWh  | 12.507                 | -                       | 37.503.575             |
| Cộng tiền hàng (Total amount):  |  |  |                        |                         | 37.503.575             |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%   |  | Tiền thuế GTGT (VAT amount):               |                        |                         | 3.000.286              |
| Tỷ giá (Exchanged rate):  |  | Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): |                        |                         | 40.503.861             |
| Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi triệu năm trăm linh ba nghìn tám trăm sáu mươi một đồng. |  |  |                        |                         |                        |

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện Lực TPHCM  
TNHH - Công Ty Điện Lực Tân Thuận  
Ngày ký: 17/08/2022 17:19:44



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -  
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-005

Địa chỉ (Address): 62 Lê Quốc Hùng, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN - Số TK: 1020102102 - Tại NH:  
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 09 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TTH

Số (No): 475660

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CN CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Mã số thuế (Tax code): 0306340691-004

Địa chỉ (Address): 26C-26D-26E LÊ QUỐC HÙNG P12 Q4 TPHCM

Mã khách hàng (Customer's Code): PE05000015442

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

| STT<br>(No.)   | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description)   | ĐVT<br>(Unit)                              | Số lượng<br>(Quantity) | Đơn giá<br>(Unit price) | Thành tiền<br>(Amount) |
|--|--|--|------------------------|-------------------------|------------------------|
| A  | B  | C  | I                      | 2                       | 3=Ix2                  |
| 1  | Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2022 từ ngày 17/08/2022 đến ngày 16/09/2022<br>(kèm theo bảng kê số 555799392 ngày 17 tháng 09 năm 2022) | kWh  | 5.706                  | -                       | 18.391.083             |
| Cộng tiền hàng (Total amount):   |  |  |                        |                         | 18.391.083             |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%  |  | Tiền thuế GTGT (VAT amount):               |                        |                         | 1.471.287              |
| Tỷ giá (Exchanged rate):   |  | Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): |                        |                         | 19.862.370             |
| Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười chín triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi đồng. |  |  |                        |                         |                        |

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện Lực TPHCM  
TNHH - Công Ty Điện Lực Tân Thuận  
Ngày ký: 17/09/2022 17:39:47



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -  
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-005

Địa chỉ (Address): 62 Lê Quốc Hùng, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN - Số TK: 1020102102 - Tại NH:  
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 09 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TTH

Số (No): 475661

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Mã số thuế (Tax code): 0306340691-004

Địa chỉ (Address): 26C-26D-26E LÊ QUỐC HÙNG, PHƯỜNG 13, QUẬN 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã khách hàng (Customer's Code): PE05000015443

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

| STT<br>(No.)   | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description)   | ĐVT<br>(Unit)                              | Số lượng<br>(Quantity) | Đơn giá<br>(Unit price) | Thành tiền<br>(Amount) |
|--|--|--|------------------------|-------------------------|------------------------|
| A  | B  | C  | I                      | 2                       | 3=Ix2                  |
| 1  | Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2022 từ ngày 17/08/2022 đến ngày 16/09/2022<br>(kèm theo bảng kê số 555799349 ngày 17 tháng 09 năm 2022) | kWh  | 14.050                 | -                       | 41.668.673             |
| Cộng tiền hàng (Total amount):   |  |  |                        |                         | 41.668.673             |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%  |  | Tiền thuế GTGT (VAT amount):               |                        |                         | 3.333.494              |
| Tỷ giá (Exchanged rate):   |  | Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): |                        |                         | 45.002.167             |
| Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi lăm triệu không trăm linh hai nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng. |  |  |                        |                         |                        |

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện Lực TPHCM  
TNHH - Công Ty Điện Lực Tân Thuận  
Ngày ký: 17/09/2022 17:39:52



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-005

Địa chỉ (Address): 62 Lê Quốc Hùng, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN - Số TK: 1020102102 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-005

Địa chỉ (Address): 62 Lê Quốc Hùng, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN - Số TK: 1020102102 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 10 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TTH  
Số (No): 658813



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 10 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TTH  
Số (No): 658814

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CN CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Mã số thuế (Tax code): 0306340691-004

Địa chỉ (Address): 26C-26D-26E LÊ QUỐC HÙNG P12 Q4 TPHCM

Mã khách hàng (Customer's Code): PE05000015442

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

| STT (No.)                             | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)   | ĐVT (Unit) | Số lượng (Quantity) | Đơn giá (Unit price) | Thành tiền (Amount)  |
|---------------------------------------|---|------------|---------------------|----------------------|--|
| A                                     | B   | C          | I                   | 2                    | 3=Ix2  |
| 1                                     | Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2022 từ ngày 17/09/2022 đến ngày 16/10/2022<br>(kèm theo bảng kê số 558919098 ngày 17 tháng 10 năm 2022) | kWh        | 5.032               | -                    | 16.408.237   |
| <b>Cộng tiền hàng (Total amount):</b> |   |            |                     |                      | <b>16.408.237</b>  |
| <b>Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%</b>  |   |            |                     |                      | <b>Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.312.659</b>                |
| <b>Tỷ giá (Exchanged rate):</b>       |   |            |                     |                      | <b>Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 17.720.896</b> |

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười bảy triệu bảy trăm hai mươi nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện Lực TPHCM  
TNHH - Công Ty Điện Lực Tân Thuận  
Ngày ký: 17/10/2022 17:33:54

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Mã số thuế (Tax code): 0306340691-004

Địa chỉ (Address): 26C-26D-26E LÊ QUỐC HÙNG, PHƯỜNG 13, QUẬN 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã khách hàng (Customer's Code): PE05000015443

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

| STT (No.)                             | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)   | ĐVT (Unit) | Số lượng (Quantity) | Đơn giá (Unit price) | Thành tiền (Amount)  |
|---------------------------------------|---|------------|---------------------|----------------------|--|
| A                                     | B   | C          | I                   | 2                    | 3=Ix2  |
| 1                                     | Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2022 từ ngày 17/09/2022 đến ngày 16/10/2022<br>(kèm theo bảng kê số 558919043 ngày 17 tháng 10 năm 2022) | kWh        | 12.978              | -                    | 38.491.581   |
| <b>Cộng tiền hàng (Total amount):</b> |   |            |                     |                      | <b>38.491.581</b>  |
| <b>Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%</b>  |   |            |                     |                      | <b>Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.079.326</b>                |
| <b>Tỷ giá (Exchanged rate):</b>       |   |            |                     |                      | <b>Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 41.570.907</b> |

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi một triệu năm trăm bảy mươi nghìn chín trăm linh bảy đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện Lực TPHCM  
TNHH - Công Ty Điện Lực Tân Thuận  
Ngày ký: 17/10/2022 17:33:20



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -  
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-005

Địa chỉ (Address): 62 Lê Quốc Hùng, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN - Số TK: 1020102102 - Tại NH:  
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 11 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TTH

Số (No): 843331

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CN CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Mã số thuế (Tax code): 0306340691-004

Địa chỉ (Address): 26C-26D-26E LÊ QUỐC HUNG P12 Q4 TPHCM

Mã khách hàng (Customer's Code): PE05000015442

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

| STT<br>(No.)  | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description)  | ĐVT<br>(Unit)                              | Số lượng<br>(Quantity) | Đơn giá<br>(Unit price) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---|---|--|------------------------|-------------------------|------------------------|
| A   | B   | C  | I                      | 2                       | 3=Ix2                  |
| 1   | Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2022 từ ngày 17/10/2022 đến ngày 16/11/2022<br>(kèm theo bảng kê số 562058701 ngày 17 tháng 11 năm 2022) | kWh  | 5.500                  | -                       | 17.607.107             |
| Cộng tiền hàng (Total amount):  |   |  |                        |                         | 17.607.107             |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%   |   | Tiền thuế GTGT (VAT amount):               |                        | 1.408.569               |                        |
| Tỷ giá (Exchanged rate):  |   | Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): |                        | 19.015.676              |                        |
| Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười chín triệu không trăm mười lăm nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng. |   |  |                        |                         |                        |

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện Lực TPHCM  
TNHH - Công Ty Điện Lực Tân Thuận  
Ngày ký: 17/11/2022 16:47:44



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -  
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-005

Địa chỉ (Address): 62 Lê Quốc Hùng, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN - Số TK: 1020102102 - Tại NH:  
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 11 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TTH

Số (No): 843332

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Mã số thuế (Tax code): 0306340691-004

Địa chỉ (Address): 26C-26D-26E LÊ QUỐC HUNG, PHƯỜNG 13, QUẬN 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã khách hàng (Customer's Code): PE05000015443

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

| STT<br>(No.)   | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description)  | ĐVT<br>(Unit)                              | Số lượng<br>(Quantity) | Đơn giá<br>(Unit price) | Thành tiền<br>(Amount) |
|--|---|--|------------------------|-------------------------|------------------------|
| A  | B   | C  | I                      | 2                       | 3=Ix2                  |
| 1  | Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2022 từ ngày 17/10/2022 đến ngày 16/11/2022<br>(kèm theo bảng kê số 562058647 ngày 17 tháng 11 năm 2022) | kWh  | 13.272                 | -                       | 39.169.816             |
| Cộng tiền hàng (Total amount):   |   |  |                        |                         | 39.169.816             |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%  |   | Tiền thuế GTGT (VAT amount):               |                        | 3.133.585               |                        |
| Tỷ giá (Exchanged rate):   |   | Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): |                        | 42.303.401              |                        |
| Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi hai triệu ba trăm linh ba nghìn bốn trăm linh một đồng. |   |  |                        |                         |                        |

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện Lực TPHCM  
TNHH - Công Ty Điện Lực Tân Thuận  
Ngày ký: 17/11/2022 16:47:26





**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -  
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-005

Địa chỉ (Address): 62 Lê Quốc Hùng, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN - Số TK: 1020102102 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 12 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TTH  
Số (No): 1028817

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Mã số thuế (Tax code): 0306340691-004

Địa chỉ (Address): 26C-26D-26E LÊ QUỐC HÙNG, PHƯỜNG 13, QUẬN 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã khách hàng (Customer's Code): PE05000015443

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

| STT<br>(No.)   | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description)  | ĐVT<br>(Unit)                              | Số lượng<br>(Quantity) | Đơn giá<br>(Unit price) | Thành tiền<br>(Amount) |
|--|---|--|------------------------|-------------------------|------------------------|
| A  | B   | C  | I                      | 2                       | 3=Ix2                  |
| 1  | Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2022 từ ngày 17/11/2022 đến ngày 17/12/2022<br>(kèm theo bảng kê số 565119762 ngày 18 tháng 12 năm 2022) | kWh  | 13.230                 | -                       | 39.061.269             |
| Cộng tiền hàng (Total amount):   |   |  |                        |                         | 39.061.269             |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%  |   | Tiền thuế GTGT (VAT amount):               |                        |                         | 3.124.902              |
| Tỷ giá (Exchanged rate):   |   | Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): |                        |                         | 42.186.171             |
| Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi hai triệu một trăm tám mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi một đồng. |   |  |                        |                         |                        |

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện Lực TPHCM  
TNHH - Công Ty Điện Lực Tân Thuận  
Ngày ký: 18/12/2022 17:19:33



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -  
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-005

Địa chỉ (Address): 62 Lê Quốc Hùng, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN THUẬN - Số TK: 1020102102 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 12 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TTH  
Số (No): 1028816

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CN CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT

Mã số thuế (Tax code): 0306340691-004

Địa chỉ (Address): 26C-26D-26E LÊ QUỐC HÙNG P12 Q4 TPHCM

Mã khách hàng (Customer's Code): PE05000015442

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

| STT<br>(No.)  | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description)  | ĐVT<br>(Unit)                              | Số lượng<br>(Quantity) | Đơn giá<br>(Unit price) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---|---|--|------------------------|-------------------------|------------------------|
| A   | B   | C  | I                      | 2                       | 3=Ix2                  |
| 1   | Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2022 từ ngày 17/11/2022 đến ngày 17/12/2022<br>(kèm theo bảng kê số 565120016 ngày 18 tháng 12 năm 2022) | kWh  | 5.337                  | -                       | 16.629.616             |
| Cộng tiền hàng (Total amount):  |   |  |                        |                         | 16.629.616             |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%   |   | Tiền thuế GTGT (VAT amount):               |                        |                         | 1.330.369              |
| Tỷ giá (Exchanged rate):  |   | Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): |                        |                         | 17.959.985             |
| Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười bảy triệu chín trăm năm mươi chín nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng. |   |  |                        |                         |                        |

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện Lực TPHCM  
TNHH - Công Ty Điện Lực Tân Thuận  
Ngày ký: 18/12/2022 17:19:45

## Tra cứu tiền nước

04122173845

Tìm kiếm



**04122173845**  
**Họ Tên: GIANG HOC TAN**  
 Hợp Đồng: NB4J990158

Địa Chỉ: 26C+D, Đường: LE QUOC HUNG  
 , Phường/xã: Phường 12, Quận/Huyện:  
 Quận 4  
 ↗ ↘ Cỡ ĐHN: 15  
 📅 Ngày Gắn ĐHN: 26/04/1999

**0 m<sup>3</sup>** Định mức  
**15** Giá biểu  
**12/22** Kỳ hiệu lực

| Kỳ      | Ngày Thanh Toán     | CS cũ               | CS mới              | Tiêu Thụ           | Tổng Tiền     | Năm 2022 ▾                         |
|---------|---------------------|---------------------|---------------------|--------------------|---------------|------------------------------------|
| 12/2022 | 12/12/2022 2:05 PM  | 3369 m <sup>3</sup> | 3495 m <sup>3</sup> | 126 m <sup>3</sup> | 3,252,766 VNĐ | ☑ <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 11/2022 | 17/11/2022 10:42 AM | 3224 m <sup>3</sup> | 3369 m <sup>3</sup> | 145 m <sup>3</sup> | 3,743,262 VNĐ | ☑ <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 10/2022 | 11/10/2022 10:46 AM | 3115 m <sup>3</sup> | 3224 m <sup>3</sup> | 109 m <sup>3</sup> | 2,813,900 VNĐ | ☑ <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 09/2022 | 15/09/2022 10:59 AM | 2985 m <sup>3</sup> | 3115 m <sup>3</sup> | 130 m <sup>3</sup> | 3,356,028 VNĐ | ☑ <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 08/2022 | 17/08/2022 9:57 AM  | 2854 m <sup>3</sup> | 2985 m <sup>3</sup> | 131 m <sup>3</sup> | 3,390,215 VNĐ | ☑ <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 07/2022 | 14/07/2022 9:48 AM  | 2732 m <sup>3</sup> | 2854 m <sup>3</sup> | 122 m <sup>3</sup> | 3,157,299 VNĐ | ☑ <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |

|         |                     |                     |                     |                    |               |  |                                  |
|---------|---------------------|---------------------|---------------------|--------------------|---------------|--|----------------------------------|
| 06/2022 | 15/06/2022 7:27 AM  | 2626 m <sup>3</sup> | 2732 m <sup>3</sup> | 106 m <sup>3</sup> | 2,743,227 VND |  | <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 05/2022 | 19/05/2022 9:06 AM  | 2488 m <sup>3</sup> | 2626 m <sup>3</sup> | 138 m <sup>3</sup> | 3,571,371 VND |  | <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 04/2022 | 22/04/2022 9:35 AM  | 2370 m <sup>3</sup> | 2488 m <sup>3</sup> | 118 m <sup>3</sup> | 3,053,781 VND |  | <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 03/2022 | 21/03/2022 2:00 PM  | 2271 m <sup>3</sup> | 2370 m <sup>3</sup> | 99 m <sup>3</sup>  | 2,562,071 VND |  | <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 02/2022 | 21/02/2022 11:54 AM | 2162 m <sup>3</sup> | 2271 m <sup>3</sup> | 109 m <sup>3</sup> | 2,820,866 VND |  | <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 01/2022 | 21/01/2022 11:16 AM | 2064 m <sup>3</sup> | 2162 m <sup>3</sup> | 98 m <sup>3</sup>  | 2,320,560 VND |  | <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |

## Tra cứu tiền nước

04122173855

Tìm kiếm



**04122173855**  
**Họ Tên: CHI NHANH**  
**CÔNG TY TNHH THỰC**  
**PHAM TAN VIET NHAT**  
 Hợp Đồng: NB4J990159

Địa Chỉ: 26E , Đường: LE QUOC HUNG ,  
 Phường/xã: Phường 12 , Quận/Huyện:  
 Quận 4

Cỡ ĐHN: 15

Ngày Gắn ĐHN: 26/04/1999

**0 m<sup>3</sup>**      **15**      **12/22**  
 Định mức      Giá biểu      Kỳ hiệu lực

| Kỳ      | Ngày Thanh Toán     | CS cũ               | CS mới              | Tiêu Thụ           | Tổng Tiền     | Năm 2022 <span>▾</span>  |
|---------|---------------------|---------------------|---------------------|--------------------|---------------|--|
| 12/2022 | 12/12/2022 2:05 PM  | 8462 m <sup>3</sup> | 8571 m <sup>3</sup> | 109 m <sup>3</sup> | 2,813,900 VND | <input checked="" type="checkbox"/> <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 11/2022 | 17/11/2022 10:42 AM | 8337 m <sup>3</sup> | 8462 m <sup>3</sup> | 125 m <sup>3</sup> | 3,226,950 VND | <input checked="" type="checkbox"/> <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 10/2022 | 11/10/2022 10:47 AM | 8244 m <sup>3</sup> | 8337 m <sup>3</sup> | 93 m <sup>3</sup>  | 2,400,851 VND | <input checked="" type="checkbox"/> <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 09/2022 | 15/09/2022 10:59 AM | 8134 m <sup>3</sup> | 8244 m <sup>3</sup> | 110 m <sup>3</sup> | 2,839,716 VND | <input checked="" type="checkbox"/> <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 08/2022 | 17/08/2022 9:57 AM  | 8022 m <sup>3</sup> | 8134 m <sup>3</sup> | 112 m <sup>3</sup> | 2,898,504 VND | <input checked="" type="checkbox"/> <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 07/2022 | 14/07/2022 9:48 AM  | 7918 m <sup>3</sup> | 8022 m <sup>3</sup> | 104 m <sup>3</sup> | 2,691,468 VND | <input checked="" type="checkbox"/> <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 06/2022 | 15/06/2022 7:27 AM  | 7828 m <sup>3</sup> | 7918 m <sup>3</sup> | 90 m <sup>3</sup>  | 2,329,155 VND | <input checked="" type="checkbox"/> <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 05/2022 | 19/05/2022 9:06 AM  | 7711 m <sup>3</sup> | 7828 m <sup>3</sup> | 117 m <sup>3</sup> | 3,027,902 VND | <input checked="" type="checkbox"/> <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 04/2022 | 22/04/2022 9:35 AM  | 7611 m <sup>3</sup> | 7711 m <sup>3</sup> | 100 m <sup>3</sup> | 2,587,950 VND | <input checked="" type="checkbox"/> <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 03/2022 | 21/03/2022 2:01 PM  | 7527 m <sup>3</sup> | 7611 m <sup>3</sup> | 84 m <sup>3</sup>  | 2,173,878 VND | <input checked="" type="checkbox"/> <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 02/2022 | 21/02/2022 11:55 AM | 7437 m <sup>3</sup> | 7527 m <sup>3</sup> | 90 m <sup>3</sup>  | 2,329,155 VND | <input checked="" type="checkbox"/> <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |
| 01/2022 | 21/01/2022 11:16 AM | 7354 m <sup>3</sup> | 7437 m <sup>3</sup> | 83 m <sup>3</sup>  | 1,965,542 VND | <input checked="" type="checkbox"/> <b>Đã Thanh Toán</b><br>Chi tiết |

**Chứng từ Chất thải nguy hại**

TỈNH/THÀNH PHỐ

**CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Tp.Hồ Chí Minh

Số: 2189 / 2022 / 3-4-5-6.013.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP. HCM Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX

Địa chỉ văn phòng: 42 – 44 Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh ĐT: 028 38291975

2 Chủ CS DV XL CTNH 2: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP. HCM Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX

Địa chỉ văn phòng: 42 – 44 Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh ĐT: 028 38291975

Địa chỉ cơ sở: Khu xử lý CTNH, CTCN, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, TP.HCM

3. Chủ nguồn thải: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TÂN VIỆT NHẬT Mã số QLCTNH: 79.004495.T

Địa chỉ văn phòng: 26C – 26D – 26E Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4, Tp.Hồ Chí Minh ĐT: 02838 943 1500

Địa chỉ cơ sở : 26C – 26D – 26E Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4, Tp.Hồ Chí Minh ĐT: 02838 943 1500

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

| Số TT | Tên CTNH  | Trạng thái tồn tại |      |     | Mã CTNH  | Số lượng (kg) | Phương pháp xử lý |
|-------|---|--------------------|------|-----|----------|---------------|-------------------|
|       |   | Rắn                | Lỏng | Bùn |          |               |                   |
| 1     | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải   | x                  |      |     | 16 01 06 | 1.5           | PH – HR - C       |
| 2     | Pin, ắc quy chì thải  | x                  |      |     | 19 06 01 | 1.5           | C                 |
| 3     | Hộp mực in thải có các TPNH   | x                  |      |     | 08 02 04 | 0.5           | TĐ                |
| 4     | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vào bảo vệ thải bị nhiễm các TPNH | x                  |      |     | 18 02 01 | 6             | TĐ                |

# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 5.11.8.14.6.2.....

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/THN: Lê Thanh Long Ký:..... Ngày: 23/6/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Phùng Văn Cường.....

Ký:..... Ngày: 27-06-2022

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 4 (hoặc 5)

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 6 năm 2022

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Tp.HCM, ngày 06-07-2022 tháng 07 năm 2022



(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



**Chứng thực bản sao đúng với bản chính**

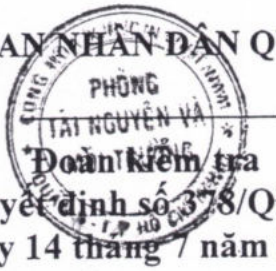
Số chứng thực: 01520 Quyển số: 01 Ngày: 23-07-2022

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi Chú : .....

(ghi rõ trong trường hợp CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CTNH)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4



theo Quyết định số 378/QĐ-UBND  
ngày 14 tháng 7 năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 4, ngày 22 tháng 7 năm 2022

## BIÊN BẢN KIỂM TRA Về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

Căn cứ Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 4 về việc tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn Quận 4 năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 4 về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật.

Hôm nay, hồi 14 giờ 00, ngày 22 tháng 7 năm 2022, tiến hành kiểm tra tại:

Tên đơn vị được kiểm tra: Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật

Đại diện đơn vị được kiểm tra: Ông Dương Thanh Vương- Nhóm trưởng bảo trì (theo giấy ủy quyền số 22/2022/UQ-TVN ngày 19/7/2022 do bà Lê Thị Thu Thảo – Giám đốc, Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật ký)

Địa chỉ nơi hoạt động: 26C-26D-26E Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4

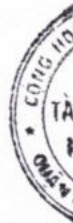
Điện thoại:

**Thành phần Đoàn kiểm tra gồm:**

1. Bà Lê Thị Gấm, Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 4, Trưởng đoàn;
2. Ông Đào Thanh Tùng, Đội trưởng Đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về Kinh tế và Chức vụ, thành viên;
3. Ông Lê Thanh Nhật, Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 4, thành viên;
4. Ông Huỳnh Hữu Trí; Chuyên viên Phòng Kinh tế Quận 4, thành viên;
5. Ông Lê Thái Dương, Cán sự Đội quản lý trật tự Đô thị Quận 4, thành viên;

**Đơn vị tham gia giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường:**

Ông Nguyễn Văn Mười- Đại diện Công ty TNHH Thương mại dịch vụ tư vấn Môi trường Tân Huy Hoàng



## I. Nội dung

Tiến hành kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường tại Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật. Kết quả kiểm tra ghi nhận các nội dung sau:

### 1. Về giấy phép và quy mô hoạt động:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 0306340691 đăng ký lần đầu ngày 04/12/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 04 tháng 5 năm 2022.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh 0306340691-004 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 04 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 09 tháng 03 năm 2021.

Diện tích hoạt động: 548 m<sup>2</sup>

Hoạt động chính là sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn, bán buôn thực phẩm, sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; dịch vụ đóng gói, bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên kinh doanh.

Thời điểm kiểm tra đơn vị hoạt động bình thường

### 2. Về pháp lý môi trường

Đã thực hiện bản cam kết bảo vệ môi trường theo Thông báo số 08/TB-UBND ngày 09/01/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 4 về việc chấp thuận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án: chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Tân Việt Nhật.

Đã thực hiện Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2021.

### 3. Về nước sử dụng và nước thải

Cơ sở sử dụng 01 nguồn nước thủy cục Công ty cấp nước Nhà Bè cung cấp. Theo hóa đơn tiền nước 3 kỳ gần nhất năm 2022, lưu lượng nước sử dụng là 118,6 m<sup>3</sup>/tháng. (tương đương 3,96 m<sup>3</sup>/ngày đêm). Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở (gồm nước thải sinh hoạt của các nhân viên và sản xuất được đưa về hồ thu → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể SBR → Bể chứa bùn và khử trùng trên đường ống bằng Javen; nước thải sau xử lý thải ra nguồn tiếp nhận (đường ống xả nước thải được nối vào hồ ga thoát nước thải của thành phố).

Cơ sở chưa thực hiện đóng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

### 4. Quản lý chất thải rắn

- Về chất thải nguy hại:

+ Có Hợp đồng kinh tế số 1596/HĐ-MTĐT-NH/22.4.VX ngày 01/6/2022 với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Không bố trí khu vực riêng lưu trữ chất thải nguy hại.

- Rác sinh hoạt phát sinh từ cơ sở được Hợp tác xã Dịch vụ Môi trường Quận 4 thu gom theo Hợp đồng số 008HDDV/TGRSH/TVN-2021

## II. Kết luận của Đoàn kiểm tra:

### - Về thực hiện hồ sơ pháp lý môi trường:

Căn cứ kết quả kiểm tra hiện trạng và hồ sơ hiện có do cơ sở cung cấp, Đoàn kiểm tra sẽ rà soát và có kết luận cụ thể.

### - Về việc xử lý ô nhiễm:

Đoàn kiểm tra ghi nhận cơ sở đã thực hiện các biện pháp xử lý nguồn ô nhiễm (nước thải). Để đánh giá chất lượng nước thải sau xử lý, Đoàn kiểm tra đã lấy:

+ 01 mẫu nước thải sau xử lý trên đường ống cuối (tại hố ga cuối cùng) trước khi thải vào hệ thống thoát nước thải của thành phố. Kết quả đo tại hiện trường pH = 7.79.

+ Việc lấy mẫu, bảo quản và phân tích mẫu do Công ty TNHH Thương mại dịch vụ tư vấn Môi trường Tân Huy Hoàng thực hiện. Việc lấy mẫu được lập thành Biên bản lấy mẫu, đã được các bên thống nhất nội dung và ký xác nhận. Biên bản lấy mẫu là một phần không tách rời biên bản kiểm tra này.

### - Yêu cầu Công ty thực hiện các nội dung sau:

+ Thực hiện đầy đủ và đúng các các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 hiện hành (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022).

+ Thực hiện bố trí khu vực lưu trữ chất thải nguy hại và dán nhãn cảnh báo, phân loại theo quy định.

+ Thực hiện kê khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo Thông báo số 665/TB-PTNMT ngày 19/4/2022 và gửi về Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 4 để thẩm định. Thực hiện đóng phí sau khi có Thông báo đóng phí.

Sau khi có kết quả phân tích mẫu và tổng hợp, rà soát hồ sơ, Đoàn kiểm tra sẽ có hướng xử lý vi phạm (nếu có) và thông báo kết quả kiểm tra đến Cơ sở.

## II. Ý kiến của đơn vị được kiểm tra:

*Đã ý. Xin nộp duy biên bản*

## III. Ý kiến của thành viên đoàn kiểm tra: thống nhất với nội dung biên bản.

Biên bản kết thúc lúc 15 giờ 00 cùng ngày, được đọc trước Đoàn và các bên liên quan và thống nhất ký tên, biên bản được lập thành 02 bản, gửi mỗi bên 01 (một) bản.

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA

*[Signature]*  
Dương Thanh Vàng

THƯ KÝ

*[Signature]*  
Lê Thanh Nhật

TM. ĐOÀN KIỂM TRA

*[Signature]*  
Lê Chi Gấm



**THÀNH VIÊN ĐOÀN KIỂM TRA:**

| Đơn vị  | Ký tên                      |
|---|-----------------------------|
| - Phòng Kinh tế Quận 4:   | <i>M. Huỳnh Hữu Tài</i>     |
| - Công an Quận 4:   | <i>M. Nguyễn Văn Hùng</i>   |
| - Đội quản lý trật tự Đô thị Quận 4:  | <i>Lê Văn Hùng</i>          |
| - Ủy ban nhân dân Phường 13:  | <i>Trần Võ Quốc Thành</i>   |
| - Đơn vị tham gia giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường: | <i>Trần Nguyễn Văn Hùng</i> |

**Chứng thực bản sao  
đúng với bản chính**

Số chứng thực: **01548** Quyển số: **01** Số/Đ: **2023**

Ngày: ..... tháng ..... năm .....

**23-02-2023**  
**CHỦ TỊCH ỦY BAN PHƯỜNG 13 QUẬN 4**

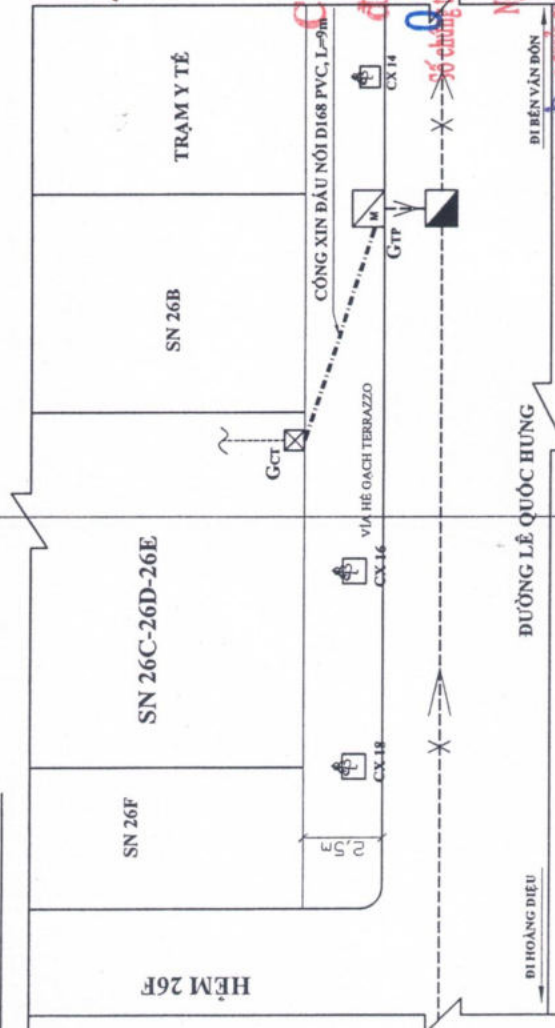


*Lê Quốc Thành*

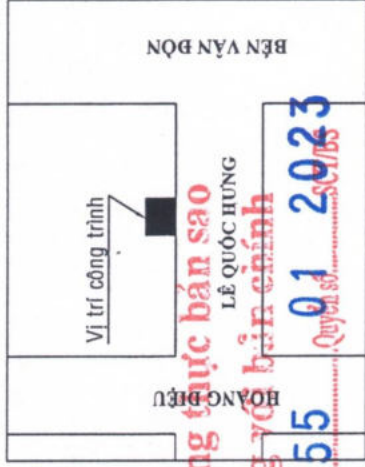


**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ XIN ĐÁU NỐI CÔNG THOÁT NƯỚC**  
 ĐỊA CHỈ SỐ 26C-26D-26E ĐƯỜNG LÊ QUỐC HÙNG, PHƯỜNG 12, QUẬN 4

MẶT BẰNG TỈ LỆ : 1/200



**HỌA ĐỒ VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH**



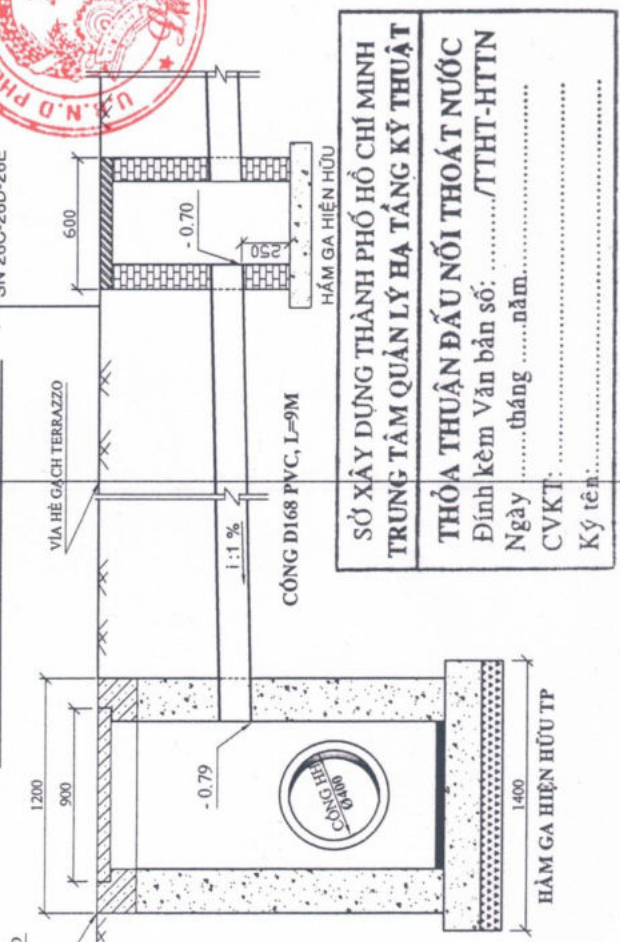
Ngày: 23-02-2023  
 CHỨC VỤ: CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 13 QUẬN 4

**GHI CHÚ**

- CỐNG HIỆN HỮU CÔNG TRÌNH
- - - - - CỐNG XIN ĐÁT MỚI
- X--- CỐNG HIỆN HỮU TP
- ☒ HẦM GA HIỆN HỮU TP
- ☒ HẦM GA HIỆN HỮU 60x60
- ☒ CÂY XANH

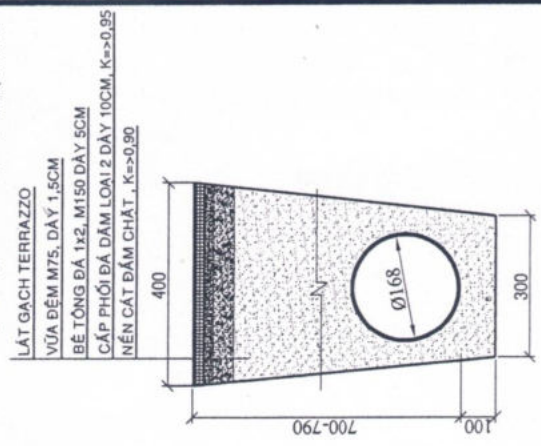
**LƯU Ý**  
 KHI THI CÔNG CHÚ Ý ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN THOẠI, CÁP NGẮM, CÁP NƯỚC PHẢI DƯỚI THOÁT NƯỚC VÀO HỐ GA THÀNH PHỐ PHẢI QUẢ XỬ LÝ LẮNG LỌC

**TRẮC DỌC TUYẾN CÔNG** TỈ LỆ : 1/25

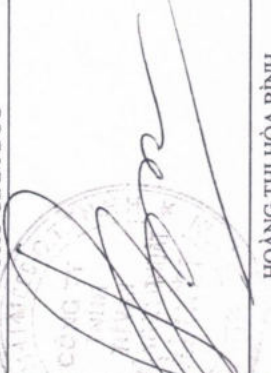


**SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TRUNG TÂM QUẢN LÝ HẠ TẦNG KỸ THUẬT**  
**THỎA THUẬN ĐÁU NỐI THOÁT NƯỚC**  
 Định kèm Văn bản số: ...../TTHT-HTTN  
 Ngày ..... tháng ..... năm .....  
 CVKT: .....  
 Ký tên: .....

**TRẮC NGANG LẦN PHỤ**  
 (TÁI LẬP PHỤ GẠCH) TỈ LỆ : 1/15



**BẢN VẼ XIN ĐÁU NỐI CÔNG NHÁNH THOÁT NƯỚC**  
 ĐC: 26C-26D-26F ĐƯỜNG LÊ QUỐC HÙNG, PHƯỜNG 12, QUẬN 4, TP. HỒ CHÍ MINH

|   |  |                                 |
|---|--|---------------------------------|
| CÔNG TY TNHH TƯ VẤN HẠ TẦNG KỸ THUẬT SÀI GÒN  |  | Ngày / 2020                     |
| PHÓ GIÁM ĐỐC  |  | BẢN VẼ 1/1                      |
| <br>HOÀNG THỊ HÒA BÌNH |  | THIẾT KẾ - VẼ<br>TRẦN MINH CHÂU |
| MẶT BẰNG<br>HOA ĐỒ VỊ TRÍ<br>TRẮC DỌC<br>TRẮC NGANG   |  |                                 |